BỘ XÂY DỰNG
TRUNG TÂM THÔNG TIN

THÔNG TIN
XÂY DỰNG CƠ BẢN & KHOA HỌC CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG

MỖI THÁNG 2 KỲ

6

Tháng 3 - 2011

KHAI MẠC TRIỂN LÃM VIETBUILD HÀ NỘI 2011

XÂY DỰNG, VẬT LIỆU XÂY DỰNG, BẤT ĐỘNG SẢN VÀ TRANG TRÍ NỘI NGOẠI THẤT

Hà Nội, ngày 23 tháng 3 năm 2011

Phó Thủ tướng Chính phủ Hoàng Trung Hải phát biểu tại Lễ Khai mạc Triển lãm Vietbuild Hà Nội 2011

Các đại biểu dự Lễ Khai mạc

THÔNG TIN
XÂY DỰNG CƠ BẢN & KHOA HỌC CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG

THÔNG TIN CỦA BỘ XÂY DỰNG
MỖI THÁNG 2 KỲ

TRUNG TÂM THÔNG TIN PHÁT HÀNH
NĂM THỨ MƯỜI HAI

6
SỐ 6 - 3/2011

TRUNG TÂM THÔNG TIN

TRỤ SỞ: 37 LÊ ĐẠI HÀNH - HÀ NỘI
TEL : 8.215.137 - 8.215.138
FAX : (04)9.741.709
Email: citc_bxd@hn.vnn.vn

GIẤY PHÉP SỐ: 595 / BTT
CẤP NGÀY 21 - 9 - 1998

MỤC LỤC

Văn bản quản lý

Văn bản các cơ quan TW

- Quyết định số 14/2011/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ban hành tiêu chí, danh mục phân loại doanh nghiệp nhà nước 5
- Quyết định số 344/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tập đoàn Sông Đà 6
-Quyết định số 345/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tập đoàn Phát triển Nhà và đô thị 8
- Thông tư số 15/2011/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn thành lập, tổ chức, hoạt động, quản lý và sử dụng Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp 9
- Thông tư số 19/2011/TT-BTC của Bộ Tài chính quy định về quyết toán dự án hoàn thành thuộc nguồn vốn Nhà nước 12
- Thông tư liên tịch số 27/2011/TTLT-BTC-BLĐTBXH Quy định về nội dung và mức chi xây dựng danh mục thiết bị dạy nghề trình độ sơ cấp nghề, trung cấp nghề, cao đẳng nghề 14
- Chỉ thị số 02/CT- BXD của Bộ Xây dựng về việc tăng cường thực hiện các quy định đảm bảo An toàn - Vệ sinh lao động và Phòng chống cháy nổ trong ngành Xây dựng 15

CHỊU TRÁCH NHIỆM PHÁT HÀNH

TS. ĐẶNG KIM GIAO

Ban biên tập:

THS.KTS.NGUYỄN HÙNG OANH **(Trưởng ban)**
CN.BẠCH MINH TUẤN **(Phó ban)**
KS.HUỲNH PHƯỚC
CN.ĐÀO THỊ MINH TÂM
CN.BÙI THỊ QUỲNH ANH
CN.HOÀNG ĐẠI HẢI
CN.NGUYỄN THỊ BÍCH NGỌC

Văn bản của địa phương

- Chỉ thị 06 /2011/CT-UBND của Uỷ ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về tăng cường thực hiện tiết kiệm điện trên địa bàn thành phố 17
- Quyết định số 05/2011/QĐ-UBND về việc đơn giản hóa thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Xây dựng tỉnh An Giang 18

Khoa học công nghệ xây dựng

- Hội thảo Sản phẩm mới, công nghệ mới thân thiện môi trường của ngành Xây dựng trong hội nhập và phát triển 20
- Hội thảo những phát triển mới trong công nghệ nghiền của Công ty LOESCHE 22
- Hội nghị thẩm định Quy hoạch chung xây dựng đô thị Vĩnh Phúc 24
- Các loại vữa polyme biến tính dùng để sửa chữa bề mặt bê tông 25
- Kính trong kiến trúc - truyền thống và các xu hướng hiện đại 27
- Cuộc sống mới của các xưởng sản xuất cũ 32

Thông tin

- Bộ trưởng Bộ Xây dựng Nguyễn Hồng Quân tiếp và hội đàm với Thủ hiến bang Sachsen, CHLB Đức 37
- Khai mạc Triển lãm quốc tế Vietbuild Hà Nội 2011 - Xây dựng, vật liệu xây dựng, bất động sản và trang trí nội ngoại thất 38
- Công ty cổ phần sứ Viglacera Thanh Trì - 50 năm xây dựng và trưởng thành 39
- Tư vấn GMP báo cáo Bộ Xây dựng về phương án thiết kế nội thất công trình Nhà Quốc hội 41
- Chương trình xây dựng cụm, tuyến dân cư và nhà ở vùng ngập lũ đồng bằng sông Cửu Long (giai đoạn II) - sau hơn hai năm triển khai thực hiện 42
- Triển vọng phát triển của vùng thủ đô Matxcova 44
- Hiện trạng và chiến lược quản lý dự án xây dựng của Trung Quốc 46

VĂN BẢN CỦA CÁC CƠ QUAN TW

Quyết định số 14/2011/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ban hành tiêu chí, danh mục phân loại doanh nghiệp nhà nước

Ngày 04/3/2011 Thủ tướng Chính phủ đã ra Quyết định số 14/2011/QĐ-TTg ban hành tiêu chí, danh mục phân loại doanh nghiệp nhà nước. Đối tượng áp dụng của Quyết định này bao gồm: công ty TNHH một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu, công ty TNHH một thành viên thuộc các tập đoàn và tổng công ty nhà nước, công ty cổ phần do Nhà nước, do các công ty mẹ trong mô hình công ty mẹ - công ty con nắm giữ trên 50% tổng số cổ phần hiện có.

Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, tập đoàn kinh tế, tổng công ty do Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập có trách nhiệm căn cứ vào Quyết định này tiếp tục phân loại, thực hiện sắp xếp các công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên thuộc mình quản lý, trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định. UBND các tỉnh, thành phố căn cứ điều kiện thực tế của địa phương để quyết định thời điểm thực hiện cổ phần hoá những doanh nghiệp trong lĩnh vực thoát nước đô thị.

Đối với những doanh nghiệp đã thực hiện cổ phần hoá, nhưng không thuộc diện Nhà nước nắm giữ trên 50% tổng số cổ phần theo Quyết định này, các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Tập đoàn kinh tế, tổng công ty do Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập căn cứ tình hình thực tế để tiếp tục phân loại, bán phần vốn nhà nước tại các công ty này.

Tiêu chí, danh mục phân loại doanh nghiệp nhà nước theo Quyết định này như sau:

Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ đối với những doanh nghiệp hoạt động trong các ngành, lĩnh vực : Sản xuất, cung ứng vật liệu nổ, hoá chất độc, chất phóng xạ; Sản xuất, sửa chữa vũ khí, trang bị chuyên dùng cho quốc phòng, an ninh; sản phẩm mật mã, trang thiết bị chuyên dùng cơ yếu, tài liệu kỹ thuật và cung ứng dịch vụ bảo mật thông tin bằng kỹ thuật nghiệp vụ mật mã; Các doanh nghiệp phục vụ quốc phòng, an ninh và các doanh nghiệp đóng tại các địa bàn chiến lược, vùng sâu, vùng xa kết hợp kinh tế với quốc phòng theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ; Truyền tải hệ thống điện quốc gia; sản xuất, phân phối điện quy mô lớn đa mục tiêu có ý nghĩa đặc biệt quan trọng về kinh tế - xã hội gắn với quốc phòng, an ninh; Quản lý, khai thác hệ thống kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia, đô thị; các cảng hàng không; cảng biển loại I; Điều hành bay; điều hành vận tải đường sắt quốc gia, đường sắt đô thị; Bảo đảm an toàn hàng hải; Bưu chính công ích; Phát thanh, truyền hình; Xổ số kiến thiết; Xuất bản, báo chí; In đúc tiền; Sản xuất thuốc lá điếu; Quản lý, khai thác hệ thống công trình thuỷ lợi, thuỷ nông liên tỉnh, liên huyện, kè đá lấn biển; Quản lý, duy tu công trình đê điều, phân lũ và phòng chống thiên tai; Trồng và bảo vệ rừng đầu nguồn, rừng phòng hộ, rừng đặc dụng; Tín dụng chính sách, phục vụ phát triển kinh tế -xã hội; Những doanh nghiệp thành viên có vai trò chủ yếu trong hoạt động sản xuất kinh doanh, chiến lược phát triển, nắm giữ các bí quyết kinh doanh, công nghệ mà tập đoàn, tổng công ty nhà nước cần thiết phải nắm giữ 100% vốn để thực hiện các nhiệm vụ, ngành nghề kinh doanh chính được giao.

Những doanh nghiệp thực hiện cổ phần hoá,

nhà nước nắm giữ trên 50% tổng số cổ phần bao gồm:

- Những doanh nghiệp tham gia sản xuất và cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích: Bảo trì hệ thống kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia; Quản lý, bảo trì hệ thống đường bộ, đường thủy nội địa, quản lý khai thác cảng biển; Đo đạc bản đồ; Sản xuất phim khoa học, phim thời sự, phim tài liệu, phim cho thiếu nhi; Thoát nước đô thị; Vệ sinh môi trường; Chiếu sáng đô thị; Điều tra cơ bản về địa chất, khí tượng thủy văn; Khảo sát, thăm dò, điều tra về tài nguyên đất, nước, khoáng sản và các loại tài nguyên thiên nhiên; sản xuất, lưu giữ giống cây trồng vật nuôi và tinh đông, sản xuất vắc-xin phòng bệnh.

- Những doanh nghiệp bảo đảm nhu cầu thiết yếu cho phát triển sản xuất và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của đồng bào dân tộc ở miền núi, vùng sâu, vùng xa;

- Những doanh nghiệp có vai trò đảm bảo các cân đối lớn của nền kinh tế, bình ổn thị trường hoạt động trong các ngành, lĩnh vực : Sản xuất điện quy mô từ 500 MW trở lên; Khai thác các khoáng sản than, bo xít, quặng đồng, sắt, thiếc, vàng, đá quí; Khai thác, chế biến dầu mỏ và khí tự nhiên; Đóng mới và sửa chữa phương tiện vận tải đường không; Cung cấp hạ tầng mạng thông tin, truyền thông; Sản xuất gang, thép công suất trên 500.000 tấn/năm; Sản xuất xi măng lò quay có công suất thiết kế trên 1,5 triệu tấn/năm; Sản xuất hóa chất cơ bản, phân hóa học, thuốc bảo vệ thực vật; Trồng và chế biến cao su, cà phê; Sản xuất giấy in báo, giấy viết chất lượng cao; Bán buôn lương thực, xăng dầu, thuộc phòng bệnh, chữa bệnh, hóa dược; Khai thác, lọc và cung cấp nước sạch mạng cấp I, cấp II; Vận tải đường biển quốc tế, vận tải đường sắt và đường hàng không; Tài chính, tín dụng, bảo hiểm.

Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 20/4/2011 và thay thế Quyết định số 38/2007 /QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

(Xem toàn văn tại: www.vietnam.gov.vn)

Quyết định số 344/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tập đoàn Sông Đà

Ngày 8/3/2011, Thủ tướng Chính phủ đã có Quyết định số 344/QĐ-TTg phê duyệt Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tập đoàn Sông Đà. Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Theo Quyết định này, Tập đoàn Sông Đà (gọi tắt là Sông Đà) - Công ty mẹ trong Tập đoàn Công nghiệp xây dựng Việt Nam, là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ, hoạt động theo quy định của pháp luật và theo Điều lệ tổ chức và hoạt động.

Mục tiêu hoạt động của Tập đoàn Sông Đà là kinh doanh có lãi, bảo toàn và phát triển vốn nhà nước đầu tư tại Sông Đà và vốn của Sông Đà đầu tư vào các doanh nghiệp khác, hoàn thành các nhiệm vụ chủ sở hữu giao; Giữ vai trò trung tâm để phát triển Tập đoàn Công nghiệp Xây dựng Việt Nam đa sở hữu, có trình độ công nghệ, quản lý hiện đại và chuyên môn hóa cao, kinh doanh đa ngành, gắn kết chặt chẽ giữa sản xuất, kinh doanh với khoa học, công nghệ, nghiên cứu triển khai, đào tạo...; Tối đa hóa hiệu quả hoạt động của Tập đoàn Công nghiệp Xây dựng Việt Nam.

Sông Đà có nhiệm vụ kinh doanh theo quy hoạch, kế hoạch và chính sách của Nhà nước. Vốn điều lệ của Sông Đà tại thời điểm 31/12/2009 là 4.607 tỷ đồng theo Quyết định số 976/QĐ-TTg ngày 25/6/2010 của Thủ tướng Chính phủ.

Nhà nước là chủ sở hữu của Sông Đà. Chính

phủ thống nhất tổ chức thực hiện quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu đối với Sông Đà. Thủ tướng Chính phủ trực tiếp thực hiện hoặc ủy quyền cho các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ thực hiện một số quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu đối với Sông Đà theo quy định của pháp luật.

Theo Điều lệ này, người đại diện theo pháp luật của Tập đoàn Sông Đà là Tổng Giám đốc Sông Đà.

Cơ cấu tổ chức quản lý của Sông Đà gồm có Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, bộ máy giúp việc, Ban Kiểm soát nội bộ. Cơ cấu tổ chức quản lý có thể thay đổi để phù hợp với yêu cầu kinh doanh trong quá trình hoạt động.

Hội đồng thành viên là cơ quan đại diện theo ủy quyền của chủ sở hữu nhà nước tại Sông Đà; thực hiện quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu tại Sông Đà và tại các công ty do Sông Đà đầu tư toàn bộ vốn điều lệ và của chủ sở hữu đối với phần vốn góp của Sông Đà tại các doanh nghiệp khác. Hội đồng thành viên có quyền nhân danh Sông Đà để quyết định mọi vấn đề liên quan đến việc xác định và thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ và quyền lợi của Sông Đà, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền, trách nhiệm của Thủ tướng Chính phủ hoặc phân cấp cho các cơ quan, tổ chức khác là đại diện chủ sở hữu thực hiện. Hội đồng thành viên Sông Đà có từ 5-9 người do Thủ tướng Chính phủ bổ nhiệm, miễn nhiệm hoặc thay thế, khen thưởng, kỷ luật theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Xây dựng. Nhiệm kỳ thành viên của Hội đồng thành viên không quá 5 năm và có thể được bổ nhiệm lại. Cơ cấu hội đồng thành viên, số lượng thành viên chuyên trách và không chuyên trách của Sông Đà do Thủ tướng Chính phủ quyết định.

Hội đồng thành viên quyết định thay thế, miễn nhiệm trước thời hạn đối với Tổng Giám đốc trong các trường hợp:

- Để Sông Đà lỗ 02 năm liên tiếp hoặc không đạt chỉ tiêu tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu do chủ sở hữu giao trong hai năm liên tiếp hoặc ở trong tình trạng lỗ, lãi đan xen nhau nhưng không khắc phục được, trừ những trường hợp: lỗ hoặc giảm tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; lỗ theo kế hoạch do đầu tư mở rộng sản xuất, đổi mới công nghệ theo nghị quyết hoặc quyết định của Hội đồng thành viên; lỗ hoặc giảm tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu có lý do khách quan được giải trình và đã được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận;

- Sông Đà lâm vào tình trạng phá sản nhưng không nộp đơn yêu cầu phá sản theo quy định của pháp luật về phá sản;

- Không hoàn thành các nhiệm vụ hoặc chỉ tiêu do Hội đồng thành viên giao;

- Không trung thực trong thực thi các quyền hạn hoặc lạm dụng địa vị, quyền hạn để thu lợi cho bản thân hoặc cho người khác; báo cáo không trung thực tình hình tài chính của Sông Đà;

- Bị mất hoặc hạn chế năng lực hành vi dân sự;

- Vi phạm pháp luật đến mức bị truy tố hoặc các trường hợp bị miễn nhiệm, thay thế theo Điều lệ quy định.

Trong việc quản lý, điều hành Tập đoàn Công nghiệp Xây dựng Việt Nam, Sông Đà chịu trách nhiệm trước chủ sở hữu về: đảm bảo mục tiêu kinh doanh ngành nghề chính và các mục tiêu khác do Nhà nước giao cho Tập đoàn, chịu sự giám sát của đại diện chủ sở hữu về danh mục đầu tư, các dự án đầu tư vào lĩnh vực tài chính, ngân hàng, bảo hiểm, chứng khoán, bất động sản; quản lý danh mục đầu tư tại Sông Đà nhằm đảm bảo điều kiện về đầu tư và cơ cấu ngành, nghề theo quy định; theo dõi, giám sát danh mục đầu tư của Sông Đà tại các công ty con; theo dõi, giám sát ngành, nghề kinh doanh của các công ty con...

(Xem toàn văn tại: www.vietnam.gov.vn)

Quyết định số 345/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tập đoàn Phát triển Nhà và đô thị

Ngày 8/3/2011, Thủ tướng Chính phủ đã có Quyết định số 345/QĐ-TTg phê duyệt Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tập đoàn Phát triển nhà và Đô thị. Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Theo đó, Tập đoàn Phát triển nhà và đô thị (HUD) là công ty mẹ trong Tập đoàn Phát triển nhà và đô thị Việt Nam, do Nhà nước sở hữu 100% vốn điều lệ, có tư cách pháp nhân, được chuyển đổi từ công ty nhà nước Tập đoàn Phát triển nhà và đô thị theo Quyết định số 977/QĐ-TTg ngày 25/6/2010 của Thủ tướng Chính phủ.

Mục tiêu hoạt động của Tập đoàn là kinh doanh có lãi, bảo toàn và phát triển vốn nhà nước đầu tư tại HUD và vốn của HUD đầu tư vào các doanh nghiệp khác, hoàn thành các nhiệm vụ chủ sở hữu giao; Giữ vai trò trung tâm để Tập đoàn Phát triển nhà ở và đô thị Việt Nam phát triển thành tập đoàn kinh tế đa sở hữu, trong đó sở hữu nhà nước là chi phối, có trình độ công nghệ, quản lý hiện đại và chuyên môn hóa cao; kinh doanh đa ngành, trong đó đầu tư phát triển nhà ở và các khu đô thị là ngành nghề kinh doanh chính, gắn kết giữa sản xuất, kinh doanh với khoa học, công nghệ, nghiên cứu triển khai, đào tạo...; nâng cao năng lực cạnh tranh, thực hiện vai trò định hướng cho sự phát triển của thị trường bất động sản Việt Nam.

Ngành nghề kinh doanh chính của HUD bao gồm: Đầu tư phát triển và kinh doanh nhà ở, bất động sản, các khu dân cư, khu đô thị, khu công nghiệp; Đầu tư tài chính trong các lĩnh vực: đầu tư phát triển và thi công xây lắp, tổng thầu xây lắp khu kinh tế, khu công nghiệp, các công trình dân dụng, công trình công nghiệp, nông nghiệp, giao thông, bưu chính viễn thông, công trình cấp thoát nước và môi trường; Sản xuất, kinh doanh, xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị, vật liệu xây dựng; tư vấn, thiết kế, và tổng thầu tư vấn thiết kế các dự án đầu tư, xây dựng; quản lý, khai thác dịch vụ tổng hợp các khu đô thị, khu dân cư, khu công nghiệp, khu du lịch.

Vốn điều lệ của HUD được xác định tại thời điểm 31/12/2009 là 4.992 tỷ đồng.

Nhà nước là chủ sở hữu của HUD. Chính phủ thống nhất tổ chức thực hiện quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu đối với HUD. Thủ tướng Chính phủ trực tiếp thực hiện hoặc ủy quyền cho các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ thực hiện một số quyền và nghĩa vụ của Chủ sở hữu đối với HUD theo quy định của pháp luật. Người đại diện theo pháp luật của HUD là Tổng Giám đốc HUD.

HUD chịu sự quản lý nhà nước của Chính phủ, các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương theo quy định của pháp luật. Thủ tướng Chính phủ trực tiếp thực hiện quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu đối với HUD và phần vốn nhà nước tại HUD: quyết định thành lập, cơ cấu tổ chức, tổ chức lại, giải thể, chuyển đổi sở hữu HUD theo đề nghị của Bộ Xây dựng và ý kiến các Bộ: Tài chính, Kế hoạch và đầu tư; phê duyệt đề án tổng thể sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp của Tập đoàn Phát triển nhà và đô thị Việt Nam trong từng giai đoạn theo đề nghị của Hội đồng thành viên HUD, thẩm định của Bộ Xây dựng và ý kiến các Bộ: Kế hoạch và đầu tư, Tài chính, Nội vụ, Lao động - Thương binh và xã hội; phê duyệt mục tiêu, chiến lược, kế hoạch dài hạn, kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch đầu tư phát triển 05 năm, ngành, nghề kinh doanh của HUD, theo đề nghị của Hội đồng thành viên HUD, thẩm định của

Bộ Xây dựng, và ý kiến các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính; Quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, cách chức, khen thưởng, kỷ luật đối với Chủ tịch và các thành viên của Hội đồng thành viên HUD theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Xây dựng và ý kiến thẩm định của Bộ Nội vụ...

Tổng Giám đốc HUD có nhiệm vụ: Tổ chức xây dựng chiến lược phát triển HUD; quy hoạch phát triển các dự án thuộc các ngành, nghề do HUD kinh doanh; kế hoạch dài hạn, kế hoạch hàng năm, kế hoạch phối hợp kinh doanh trong Tập đoàn; dự thảo Điều lệ, sửa đổi Điều lệ HUD; dự thảo quy chế tài chính và các quy chế nội bộ của HUD; xây dựng kế hoạch phát triển nguồn nhân lực, hệ thống chỉ tiêu công nghệ, tiêu chuẩn sản phẩm, định mức kinh tế - kỹ thuật, đơn giá tiền lương....; Trình Hội đồng thành viên để hội đồng thành viên trình Thủ tướng Chính phủ hoặc các cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định hoặc phê duyệt các nội dung thuộc quyền của chủ sở hữu đối với HUD và trình Hội đồng thành viên xem xét, quyết định đối với các nội dung thuộc thẩm quyền của Hội đồng thành viên...

HUD đại diện cho Tập đoàn Phát triển nhà và đô thị Việt Nam thực hiện các hoạt động chung của Tập đoàn trong quan hệ với bên thứ ba trong và ngoài nước hoặc các hoạt động khác nhân danh Tập đoàn theo thỏa thuận giữa các doanh nghiệp thành viên, doanh nghiệp liên kết Tập đoàn và quy định của pháp luật có liên quan. HUD chịu trách nhiệm trước chủ sở hữu về đảm bảo mục tiêu kinh doanh ngành nghề chính và các mục tiêu khác do Nhà nước giao cho Tập đoàn, chịu sự giám sát của đại diện chủ sở hữu về danh mục đầu tư, các dự án đầu tư vào lĩnh vực tài chính, ngân hàng, bảo hiểm, chứng khoán; Quản lý danh mục đầu tư tại HUD nhằm đảm bảo điều kiện về đầu tư và cơ cấu ngành, nghề theo quy định; theo dõi, giám sát danh mục đầu tư của HUD tại các công ty con...

(Xem toàn văn tại: www.vietnam.gov.vn)

Thông tư số 15/2011/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn thành lập, tổ chức, hoạt động, quản lý và sử dụng Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp

Ngày 09/02/2011, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 15/2011/TT- BTC hướng dẫn thành lập, tổ chức, hoạt động, quản lý và sử dụng Quỹ phát triển khoa học và công nghệ (gọi tắt là Quỹ) theo quy định của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp. Đối tượng được thành lập Quỹ theo quy định tại Thông tư này là các doanh nghiệp được thành lập theo Luật Doanh nghiệp.

Quỹ do doanh nghiệp thành lập để tạo nguồn tài chính đầu tư cho hoạt động khoa học và công nghệ (KHCN) của doanh nghiệp tại Việt Nam thông qua hoạt động nghiên cứu, ứng dụng và phát triển, đổi mới công nghệ, đổi mới sản phẩm, hợp lý hoá sản xuất nhằm nâng cao sức cạnh tranh của doanh nghiệp. Căn cứ nhu cầu và khả năng tài chính đầu tư cho hoạt động KHCN của doanh nghiệp, người có thẩm quyền cao nhất của doanh nghiệp quyết định thành lập, quy định nhiệm vụ, quyền hạn, bộ máy tổ chức của Quỹ. Quỹ là một bộ phận, không có tư cách pháp nhân và trực thuộc doanh nghiệp, do người có thẩm quyền cao nhất của doanh nghiệp chịu trách nhiệm điều hành.

Nhà nước khuyến khích các doanh nghiệp thành lập Quỹ để thực hiện các mục đích theo quy định. Quỹ được hình thành từ: Một phần từ

thu nhập tính thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ tính thuế (doanh nghiệp tự quyết định mức trích cụ thể nhưng tối đa không quá 10% thu nhập tính thuế trong kỳ); Một phần điều chuyển từ Quỹ phát triển KHCN của tổng công ty, công ty mẹ (đối với các công ty con hoặc doanh nghiệp thành viên) hoặc điều chuyển từ Quỹ phát triển KHCN của các công ty con, doanh nghiệp thành viên về Quỹ phát triển KHCN của tổng công ty, công ty mẹ (đối với tổng công ty, công ty mẹ). Việc điều chuyển và tỷ lệ điều chuyển nguồn giữa các Quỹ phát triển KHCN của tổng công ty, công ty mẹ với các Quỹ phát triển KHCN của các công ty con, doanh nghiệp thành viên và ngược lại do chủ tịch hội đồng quản trị, chủ tịch hội đồng thành viên hoặc tổng giám đốc, giám đốc quyết định trên cơ sở tỷ lệ trích Quỹ theo quy định tại điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ, nhu cầu đầu tư cho hoạt động KHCN tại các doanh nghiệp thành viên và nhu cầu, kế hoạch phát triển KHCN của toàn hệ thống. Việc điều chuyển Quỹ chỉ áp dụng đối với các công ty con hoặc doanh nghiệp thành viên mà công ty mẹ sở hữu 100% vốn.

Tuỳ theo quy mô của Quỹ và nhu cầu đầu tư KHCN tại doanh nghiệp, người có thẩm quyền cao nhất của doanh nghiệp quyết định hình thức tổ chức, hoạt động, quản lý và chịu trách nhiệm về các hoạt động của Quỹ.

Doanh nghiệp gửi Quyết định thành lập Quỹ, điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ cho cơ quan thuế nơi doanh nghiệp đăng ký nộp thuế thu nhập doanh nghiệp trước hoặc cùng thời điểm nộp báo cáo trích, sử dụng Quỹ trong kỳ trích lập đầu tiên.

Doanh nghiệp gửi Quyết định thành lập Quỹ, điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ cho Sở KHCN, Sở Tài chính tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi doanh nghiệp đóng trụ sở trong vòng 30 ngày kể từ ngày có quyết định thành lập Quỹ.

Việc sử dụng nguồn vốn của Quỹ phục vụ cho mục tiêu phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp thực hiện theo đúng quy định của pháp luật.

Nguồn vốn của Quỹ dùng để thực hiện các hoạt động KHCN của doanh nghiệp:

- Thực hiện các đề tài, dự án KHCN của doanh nghiệp tại Việt Nam: Đề tài, dự án KHCN của doanh nghiệp phải được xây dựng, và chịu trách nhiệm, tổ chức thực hiện theo quy định của Nhà nước về thủ tục xét duyệt, nghiệm thu và kết quả đề tài được hội đồng KHCN đánh giá, nghiệm thu đạt yêu cầu theo quy định về KHCN, được áp dụng vào hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

- Hỗ trợ phát triển KHCN của doanh nghiệp tại Việt Nam: Trang bị cơ sở vật chất - kỹ thuật cho hoạt động KHCN của doanh nghiệp (xây dựng phòng thí nghiệm, cơ sở thử nghiệm, máy móc trang thiết bị phục vụ cho nghiên cứu và phát triển); Mua bản quyền công nghệ, quyền sử dụng, quyền sở hữu sáng chế, giải pháp hữu ích, kiểu dáng công nghiệp, thông tin KHCN, các tài liệu, sản phẩm có liên quan để phục vụ cho hoạt động KHCN của doanh nghiệp theo quy định của Luật chuyển giao công nghệ; Trả lương, chi thuê chuyên gia hoặc hợp đồng với tổ chức KHCN để thực hiện các hoạt động KHCN của doanh nghiệp; Đào tạo nhân lực KHCN của doanh nghiệp theo quy định của pháp luật về KHCN; Chi cho các hoạt động sáng kiến cải tiến kỹ thuật, hợp lý hoá sản xuất; Chi phí cho các hoạt động hợp tác nghiên cứu, triển khai về KHCN với các doanh nghiệp trong nước (các hoạt động hợp tác nghiên cứu, triển khai về KHCN phải được cơ quan quản lý nhà nước về KHCN tại Việt Nam phê duyệt)

Quỹ chỉ được sử dụng cho hoạt động đầu tư KHCN của doanh nghiệp tại Việt Nam. Doanh nghiệp không được sử dụng nguồn vốn của Quỹ để đầu tư cho các hoạt động khác không gắn với việc phát triển KHCN của doanh nghiệp tại Việt Nam hoặc đầu tư cho các dự án KHCN đã được tài trợ bởi các nguồn vốn khác.

Các khoản chi từ Quỹ phải có đầy đủ hoá

đơn, chứng từ hợp pháp theo quy định của pháp luật. Trường hợp trong năm bất kỳ, doanh nghiệp có nhu cầu sử dụng cho hoạt động KHCN vượt mức số dư hiện có tại Quỹ thì được lựa chọn hoặc lấy từ số trích lập Quỹ của các năm tiếp theo để bù vào số còn thiếu hoặc tính vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ tính thuế, nếu cần thiết có thể phân bổ cho các năm tiếp sau để không làm ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của doanh nghiệp.

Doanh nghiệp không được hạch toán vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế trong kỳ tính thuế các khoản chi đã được bảo đảm từ nguồn Quỹ KHCN của doanh nghiệp.

Trong thời hạn 5 năm, kể từ năm kế tiếp năm trích lập, nếu Quỹ không được sử dụng hoặc sử dụng không hết 70% hoặc sử dụng không đúng mục đích thì doanh nghiệp phải nộp ngân sách nhà nước phần thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên khoản thu nhập đã trích lập Quỹ mà không sử dụng hoặc sử dụng không hết 70% hoặc sử dụng không đúng mục đích và phần lãi phát sinh từ số thuế thu nhập doanh nghiệp đó.

Việc xác định số thuế thu nhập doanh nghiệp bị thu hồi do Quỹ không sử dụng hoặc sử dụng không hết 70% hoặc sử dụng không đúng mục đích và phần lãi phát sinh từ số thuế thu nhập doanh nghiệp đó theo nguyên tắc :

- Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp dùng để tính số thuế thu hồi là mức thuế suất áp dụng cho doanh nghiệp trong thời gian trích lập quỹ. Trường hợp trong thời hạn 5 năm, doanh nghiệp áp dụng các mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp khác nhau thì thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp dùng để tính số thuế thu hồi là thuế suất tại thời điểm trích của khoản thu hồi theo nguyên tắc số tiền trích trước sử dụng trước.

- Lãi suất tính lãi đối với số thuế thu hồi tính trên phần quỹ không sử dụng hoặc sử dụng không hết 70% là lãi suất trái phiếu kho bạc loại kỳ hạn một năm áp dụng tại thời điểm thu hồi và thời gian tính lãi là hai năm.

- Lãi suất tính lãi đối với số thuế thu hồi tính trên phần Quỹ sử dụng sai mục đích là mức lãi tính theo tỷ lệ phạt chậm nộp theo quy định của Luật quản lý thuế và thời gian tính lãi là khoảng thời gian kể từ khi trích lập Quỹ đến khi thu hồi.

Việc xác định thời điểm trích Quỹ của số tiền sử dụng sai mục đích làm căn cứ tính lãi đối với số thuế thu hồi tính trên phần Quỹ sử dụng sai mục đích theo nguyên tắc số tiền trích quỹ trước thì sử dụng trước.

- Trường hợp trong thời gian trích lập Quỹ, doanh nghiệp đang thuộc diện được ưu đãi thuế (được áp dụng thuế suất ưu đãi, được miễn thuế, giảm thuế) thì số tiền thuế thu hồi do Quỹ không được sử dụng hoặc sử dụng không hết 70% hoặc sử dụng không đúng mục đích được xác định trên số thu nhập đã được áp dụng ưu đãi thuế tại thời điểm trích lập Quỹ và bị xử phạt vi phạm pháp luật về thuế theo quy định.

Doanh nghiệp đang hoạt động mà có sự thay đổi về hình thức sở hữu, hợp nhất, sáp nhập thì doanh nghiệp mới thành lập từ việc thay đổi hình thức sở hữu, hợp nhất và doanh nghiệp nhận sáp nhập được kế thừa và chịu trách nhiệm về việc quản lý, sử dụng Quỹ phát triển KHCN của doanh nghiệp trước khi chuyển đổi, hợp nhất, sáp nhập.

Doanh nghiệp đang hoạt động nếu có Quỹ phát triển KHCN chưa sử dụng hết khi thực hiện chia, tách doanh nghiệp thì doanh nghiệp mới thành lập từ việc chia, tách được kế thừa và chịu trách nhiệm về việc quản lý, sử dụng Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp trước khi chia, tách. Việc phân chia Quỹ phát triển KHCN do doanh nghiệp quyết định và đăng ký với cơ quan thuế trước khi thực hiện.

Thông tư này có hiệu lực thi hành sau 45 ngày kể từ ngày ban hành.

(Xem toàn văn tại: www.mof.gov.vn)

Thông tư số 19/2011/TT-BTC của Bộ Tài chính Quy định về quyết toán dự án hoàn thành thuộc nguồn vốn Nhà nước

Ngày 14/02/2011, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 19/2011/TT - BTC quy định về quyết toán dự án hoàn thành thuộc nguồn vốn Nhà nước.

Các dự án đầu tư sử dụng vốn Nhà nước, bao gồm: Vốn Ngân sách nhà nước, vốn Tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước, vốn Trái phiếu (Chính phủ, Chính quyền địa phương), vốn Tín dụng do Nhà nước bảo lãnh, vốn Đầu tư phát triển của các Tổng Công ty nhà nước, Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, sau khi hoàn thành (hoặc bị ngừng thực hiện vĩnh viễn) phải quyết toán theo quy định của Thông tư này.

Thông tư này không áp dụng đối với các dự án do Chủ tịch UBND xã, phường, thị trấn quyết định đầu tư và dự án do cấp có thẩm quyền giao UBND xã, phường, thị trấn làm chủ đầu tư thực hiện theo Thông tư của Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý vốn đầu tư xây dựng cơ bản thuộc xã, phường, thị trấn.

Theo Thông tư, vốn đầu tư được quyết toán là toàn bộ chi phí hợp pháp đã thực hiện trong quá trình đầu tư để đưa dự án vào khai thác sử dụng. Chi phí hợp pháp là chi phí được thực hiện trong phạm vi thiết kế, dự toán đã phê duyệt kể cả phần điều chỉnh, bổ sung, đúng với hợp đồng đã ký kết, phù hợp với các quy định của pháp luật. Đối với các dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước thì vốn đầu tư được quyết toán phải nằm trong giới hạn tổng mức đầu tư được duyệt (hoặc được điều chỉnh) theo quyết định của cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Báo cáo quyết toán dự án hoàn thành phải xác định đầy đủ, chính xác tổng chi phí đầu tư đã thực hiện; phân định rõ nguồn vốn đầu tư; chi phí đầu tư được phép không tính vào giá trị tài sản hình thành qua đầu tư dự án; giá trị tài sản hình thành qua đầu tư: tài sản cố định, tài sản lưu động; đồng thời phải đảm bảo đúng nội dung, thời gian lập theo quy định.

Đối với các dự án quan trọng quốc gia, dự án nhóm A, các chương trình dự án gồm nhiều dự án thành phần hoặc tiểu dự án độc lập sử dụng (có quyết định phê duyệt dự án hoặc báo cáo kinh tế kỹ thuật xây dựng công trình riêng biệt) thì mỗi dự án thành phần hoặc tiểu dự án độc lập được thực hiện quyết toán, thẩm tra và phê duyệt quyết toán như một dự án đầu tư độc lập theo quy định tại Thông tư này. Sau khi toàn bộ dự án quan trọng quốc gia, dự án nhóm A, chương trình dự án hoàn thành, chủ đầu tư (hoặc chủ quản đầu tư trong trường hợp có nhiều chủ đầu tư các dự án thành phần) tổng hợp kết quả quyết toán toàn bộ dự án báo cáo cấp có thẩm quyền phê duyệt; không phải kiểm toán quyết toán, thẩm tra và phê duyệt quyết toán lại các dự án thành phần hoặc tiểu dự án đã được thẩm tra và phê duyệt theo quy định.

Đối với các dự án có nhiều hạng mục công trình, tùy theo quy mô, tính chất và thời hạn xây dựng công trình, chủ đầu tư có thể thực hiện quyết toán, thẩm tra và phê duyệt quyết toán vốn đầu tư xây dựng cho từng hạng mục công trình hoặc từng gói thầu độc lập ngay sau khi hạng mục công trình, gói thầu độc lập hoàn thành đưa vào khai thác sử dụng theo yêu cầu của người quyết định đầu tư. Giá trị đề nghị quyết toán của hạng mục công trình bao gồm: chi phí xây dựng, chi phí mua sắm và lắp đặt thiết bị, các khoản chi phí khác có liên quan trực tiếp đến hạng mục đó. Sau khi toàn bộ dự án hoàn thành, chủ đầu tư tổng quyết toán toàn bộ dự án và xác định mức phân bổ chi phí chung của dự án cho từng hạng mục công trình thuộc dự án trình người có thẩm quyền phê duyệt;

không thẩm tra lại đối với các hạng mục công trình, gói thầu độc lập đã được thẩm tra và phê duyệt theo quy định.

Đối với các dự án đầu tư có sử dụng vốn nước ngoài (vốn vay, vốn viện trợ từ các Chính phủ, tổ chức, cá nhân người nước ngoài) khi hoàn thành phải thực hiện quyết toán theo quy định của Thông tư này và các quy định liên quan của Điều ước quốc tế (nếu có).

Đối với một chương trình, dự án sử dụng nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) có thể bao gồm cả nội dung đầu tư xây dựng công trình và nội dung hỗ trợ kỹ thuật, thực hiện quyết toán như sau:

- Trường hợp chi phí đầu tư xây dựng công trình chiếm tỷ lệ lớn hơn 50% tổng giá trị vốn ODA, thực hiện quyết toán theo quy định tại Thông tư này;

- Trường hợp chi phí đầu tư xây dựng công trình chiếm tỷ lệ nhỏ hơn hoặc bằng 50% tổng giá trị vốn ODA, thực hiện quyết toán theo quy định cụ thể của chế độ kế toán đối với đơn vị hành chính, sự nghiệp. Trong trường hợp này, nếu có tiểu dự án xây dựng công trình hoặc hợp phần xây dựng công trình được quyết toán độc lập thì thực hiện quyết toán theo quy định tại Thông tư này.

Đối với dự án của cơ quan đại diện Việt Nam tại nước ngoài, dự án có yêu cầu cơ mật thuộc an ninh quốc phòng, dự án mua sở hữu bản quyền, việc quyết toán dự án hoàn thành được thực hiện theo quyết định riêng của Thủ tướng Chính phủ trên cơ sở đề xuất và kiến nghị của cơ quan có dự án.

Thông tư quy định cụ thể về nội dung báo cáo quyết toán; Biểu mẫu báo cáo quyết toán; Hồ sơ trình duyệt quyết toán; Thẩm quyền phê duyệt, cơ quan thẩm tra quyết toán; Kiểm toán quyết toán dự án hoàn thành; Thẩm tra quyết toán đối với dự án đã kiểm toán báo cáo quyết toán; Thẩm tra quyết toán đối với dự án không kiểm toán báo cáo quyết toán; Phê duyệt quyết toán; Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán; kiểm toán độc lập; Thời hạn quyết toán;Trách nhiệm trong quyết toán dự án hoàn thành; Chế độ báo cáo, kiểm tra; Xử lý vi phạm.

Thông tư cũng quy định, tất cả các dự án quan trọng quốc gia, dự án nhóm A, nhóm B sử dụng vốn nhà nước khi hoàn thành đều phải kiểm toán quyết toán trước khi trình cấp có thẩm quyền thẩm tra, phê duyệt quyết toán; các dự án còn lại thực hiện kiểm toán quyết toán theo yêu cầu của cấp có thẩm quyền.

Chủ đầu tư tổ chức lựa chọn nhà thầu kiểm toán theo quy định của pháp luật về đấu thầu, ký kết hợp đồng kiểm toán quyết toán dự án hoàn thành theo quy định của pháp luật về hợp đồng và nghiệm thu kết quả kiểm toán. Trường hợp không thể lựa chọn được nhà thầu kiểm toán báo cáo quyết toán, chủ đầu tư báo cáo người có thẩm quyền phê duyệt quyết toán xem xét, quyết định giao cho cơ quan thẩm tra trực tiếp thẩm tra quyết toán.

Nhà thầu kiểm toán phải là các doanh nghiệp kiểm toán được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật về thành lập và hoạt động doanh nghiệp tại Việt Nam và các Nghị định của Chính phủ về kiểm toán độc lập.

Đối với các dự án đã kiểm toán báo cáo quyết toán, cơ quan chủ trì thẩm tra thực hiện thẩm tra các nội dung: Tính tuân thủ Chuẩn mực kiểm toán báo cáo quyết toán vốn đầu tư hoàn thành của Báo cáo kết quả kiểm toán; Thẩm tra việc áp dụng văn bản quy phạm pháp luật, những căn cứ pháp lý mà kiểm toán viên sử dụng để kiểm toán dự án; Xem xét những kiến nghị, những nội dung có quan điểm khác nhau giữa chủ đầu tư và đơn vị kiểm toán; Xem xét việc chấp hành của chủ đầu tư và các đơn vị liên quan đối với kết luận của cơ quan Thanh tra, Kiểm tra, Kiểm toán Nhà nước (nếu có)

Các dự án triển khai trước ngày có hiệu lực thi hành của Nghị định 99/2007/NĐ-CP ngày 13/6/2007 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình, nếu trong hợp đồng xây dựng không ghi rõ hình thức giá hợp đồng để

thực hiện thẩm tra chi phí đầu tư theo quy định tại Thông tư này được áp dụng phương pháp thẩm tra chi phí đầu tư theo quy định tại Thông tư số 33/2007/TT-BTC ngày 09/4/2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn quyết toán dự án hoàn thành thuộc nguồn vốn Nhà nước.

Những tiểu dự án, công trình, hạng mục công trình đã nộp hồ sơ quyết toán dự án hoàn thành về cơ quan thẩm tra quyết toán trước ngày có hiệu lực thi hành của Thông tư này, thực hiện thống nhất theo quy định tại Thông tư số 33/2007/TT-BTC ngày 09/4/2007 hướng dẫn quyết toán dự án hoàn thành thuộc nguồn vốn Nhà nước và Thông tư số 98/2007/TT-BTC ngày 09/8/2007 sửa đổi, bổ sung một số điểm của Thông tư số 33/2007/TT-BTC ngày 09/4/2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn quyết toán dự án hoàn thành thuộc nguồn vốn Nhà nước; những tiểu dự án, công trình, hạng mục công trình còn lại thực hiện thống nhất theo quy định tại Thông tư này.

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/4/2011 và thay thế Thông tư số 33/2007/TT-BTC ngày 09/4/2007 hướng dẫn quyết toán dự án hoàn thành thuộc nguồn vốn Nhà nước và Thông tư số 98/2007/TT-BTC ngày 09/8/2007 sửa đổi, bổ sung một số điểm của Thông tư số 33/2007/TT-BTC ngày 09/4/2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn quyết toán dự án hoàn thành thuộc nguồn vốn Nhà nước.

(Xem toàn văn tại: www.mof.gov.vn)

Thông tư liên tịch số 27/2011/TTLT-BTC-BLĐTBXH Quy định về nội dung và mức chi xây dựng danh mục thiết bị dạy nghề trình độ sơ cấp nghề, trung cấp nghề, cao đẳng nghề

Ngày 28/02/2011, Liên Bộ: Tài chính, Lao động - Thương binh và Xã hội đã ban hành Thông tư liên tịch số 27/2011/TTLT-BTC-BLĐTBXH quy định về nội dung và mức chi xây dựng danh mục thiết bị dạy nghề trình độ sơ cấp nghề, trung cấp nghề, cao đẳng nghề.

Thông tư này áp dụng đối với các cơ quan, đơn vị, tổ chức có sử dụng kinh phí từ ngân sách nhà nước để thực hiện xây dựng danh mục thiết bị dạy nghề trình độ sơ cấp nghề, trung cấp nghề và cao đẳng nghề theo Quyết định số 241/QĐ-LĐTBXH ngày 12/02/2010 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc ban hành quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành danh mục thiết bị dạy nghề cho từng nghề theo ba trình độ đào tạo.

Kinh phí chi hoạt động xây dựng danh mục thiết bị dạy nghề trình độ sơ cấp nghề, trung cấp nghề và cao đẳng nghề được bố trí trong dự toán ngân sách nhà nước hàng năm của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Về nội dung và mức chi cho việc xây dựng danh mục thiết bị dạy nghề, Thông tư quy định:

- Đối với danh mục thiết bị dạy nghề trình độ sơ cấp nghề: thực hiện theo khoản 5.3 Điều 6 Thông tư số 112/2010/TTLT-BTC-BLĐTBXH ngày 30/7/2010 của liên Bộ Tài chính - Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về hướng dẫn quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện Đề án "Đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020" ban hành theo Quyết định số 1956/QĐ-TTg ngày 27/11/2009 của Thủ tướng Chính phủ. Ngoài ra, Thông tư này quy định bổ sung thêm một số nội dung chi; Lấy ý kiến (chuyên gia) góp ý về danh mục thiết bị dạy nghề, trình độ sơ cấp nghề: Nhận xét, đánh giá của Hội đồng thẩm định, trình độ sơ cấp nghề.

- Đối với danh mục thiết bị dạy nghề trình độ

trung cấp nghề và cao đẳng nghề: Chi cho các hoạt động hội thảo, tập huấn; điều tra khảo sát; xây dựng tài liệu báo cáo, tổng hợp, đề cương chi tiết để xây dựng danh mục thực hiện theo quy định hiện hành. Chi cho việc xây dựng danh mục thiết bị nghề trình độ trung cấp nghề và cao đẳng nghề. Chi thẩm định danh mục thiết bị dạy nghề của Hội đồng thẩm định do Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội thành lập.

Việc lập, phân bổ, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí xây dựng danh mục thiết bị dạy nghề theo 3 trình độ đào tạo nghề được thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn Luật. Ngoài ra, Thông tư này hướng dẫn một số nội dung cụ thể như sau:

- Căn cứ vào kế hoạch công tác xây dựng danh mục thiết bị các nghề trong năm, Tổng cục Dạy nghề thành lập các Ban chủ nhiệm xây dựng danh mục thiết bị dạy nghề theo quy định tại Quyết định số 241/QĐ-JĐTBXH ngày 12/02/2010 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc ban hành quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành danh mục thiết bị dạy nghề cho từng nghề, theo 3 cấp trình độ đào tạo.

- Căn cứ vào yêu cầu về nội dung, khối lượng công việc liên quan đến việc xây dựng danh mục thiết bị dạy nghề, các định mức kinh tế - kỹ thuật do các Bộ, ngành chức năng ban hành (Trường hợp không có định mức kinh tế - kỹ thuật thì cần thuyết minh cụ thể) và nội dung, mức chi quy định tại Thông tư này, các Ban chủ nhiệm xây dựng danh mục thiết bị dạy nghề lập dự toán gửi Tổng cục Dạy nghề.

- Tổng cục Dạy nghề chịu trách nhiệm kiểm tra và tổng hợp dự toán xây dựng danh mục thiết bị dạy nghề gửi Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội để tổng hợp vào dự toán chung hàng năm theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn Luật.

- Xây dựng danh mục thiết bị dạy nghề được thực hiện thông qua hình thức ký hợp đồng giữa Tổng cục Dạy nghề với Ban Chủ nhiệm. Chứng từ làm căn cứ thanh toán, quyết toán được lưu tại Tổng cục Dạy nghề.

- Ban chủ nhiệm xây dựng danh mục thiết bị dạy nghề chịu trách nhiệm về nội dung, chất lượng đối với các danh mục thiết bị dạy nghề được giao và chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc thực hiện các chế độ chi tiêu tài chính theo quy định.

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20/4/2011.

(Xem toàn văn tại: www.vietnam.gov.vn)

Chỉ thị số 02/CT- BXD của Bộ Xây dựng về việc tăng cường thực hiện các quy định đảm bảo An toàn - Vệ sinh lao động và Phòng chống cháy nổ trong ngành Xây dựng

Ngày 21/3/2011, Bộ trưởng Bộ Xây dựng đã ban hành Chỉ thị số 02/CT- BXD về việc tăng cườngthực hiện các quy định đảm bảo An toàn - Vệ sinh lao động và Phòng chống cháy nổ trong ngành Xây dựng.

Chỉ thị nêu rõ, trong những năm gần đây, cùng với sự phát triển của nền kinh tế, số lượng các dự án, công trình xây dựng được triển khai, thi công bàn giao đưa vào vận hành, sử dụng ngày càng nhiều. Trong đó nhiều công trình có qui mô lớn, kỹ thuật thi công phức tạp; lực lượng lao động tham gia, trong đó có cả lao động nước ngoài tăng nhanh. Các công nghệ, thiết bị thi công tiên tiến được ứng dụng rộng rãi trên

nhiều công trình, đem lại năng suất, hiệu quả lao động cao, tiến độ thi công được rút ngắn, chất lượng công trình tăng lên đáng kể, tạo điều kiện để ngành Xây dựng từng bước hội nhập với khu vực và thế giới. Công tác an toàn - vệ sinh lao động (ATVSLĐ) và phòng chống cháy nổ (PCCN) đã được chú trọng và tăng cường nhằm hạn chế thấp nhất xảy ra tai nạn.

Tuy nhiên, ở một số đơn vị việc thực hiện các quy định về ATVSLĐ, PCCN chưa được nghiêm túc. Không ít đơn vị tuy có tổ chức cho cán bộ, nhân viên và người lao động học tập và triển khai thực hiện các quy định về bảo đảm ATVSLĐ và PCCN nhưng còn mang tính hình thức, hiệu quả mang lại chưa cao. Tình trạng ATVSLĐ không đảm bảo trong lao động, để xảy ra cháy nổ còn khá phổ biến, đặc biệt tai nạn lao động có chiều hướng gia tăng, mà nguyên nhân chủ yếu là do người sử dụng lao động và người lao động chưa quán triệt và thực hiện nghiêm túc các quy định về ATVSLĐ và PCCN.

Để khắc phục và chấn chỉnh tình hình trên, đồng thời nhằm phát huy hiệu quả các quy định về đảm bảo ATVSLĐ, PCCN trong ngành Xây dựng, Bộ trưởng Bộ Xây dựng Chỉ thị Thủ trưởng các đơn vị trong ngành phối hợp với cấp công đoàn cơ sở tập trung thực hiện tốt những công việc trọng tâm:

- Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến, huấn luyện và kiểm tra việc thực hiện các quy định đã ban hành về ATVSLĐ và PCCN nhằm hạn chế tai nạn lao động xảy ra, đồng thời giúp người lao động nhận thức rõ quyền và trách nhiệm của mình khi tham gia thi công xây dựng và lao động tại các cơ sở sản xuất.

- Thực hiện nghiêm túc các quy định về tổ chức mặt bằng thi công tại các công trường xây dựng và yêu cầu về an toàn điện khi thi công xây dựng. Các biện pháp đảm bảo an toàn, nội quy về an toàn phải được phổ biến và công khai trên công trường để mọi người biết và chấp hành.

- Tổng thầu hoặc chủ đầu tư (trường hợp không có tổng thầu) phải thành lập ban chỉ huy phòng chống cháy, nổ tại công trường, có quy chế hoạt động và phân công, phân cấp cụ thể; Phương án phòng chống cháy, nổ phải được thẩm định, phê duyệt theo quy định. Nhà thầu phải tổ chức đội PCCN, có phân công, phân cấp và kèm theo quy chế hoạt động.

- Các chủ đầu tư xây dựng công trình có trách nhiệm thành lập bộ phận chuyên trách hoặc kiêm nhiệm để kiểm tra việc thực hiện các quy định về an toàn lao động của các nhà thầu. Kiên quyết dừng thi công và yêu cầu nhà thầu khắc phục khi phát hiện vi phạm các quy định về ATVSLĐ. Nếu nhà thầu không có các biện pháp khắc phục phù hợp phải đình chỉ thi công hoặc chấm dứt hợp đồng .

- Nhà thầu thi công xây dựng công trình có trách nhiệm lập và phê duyệt thiết kế biện pháp thi công, trong đó quy định rõ các biện pháp bảo đảm an toàn cho người, máy móc, thiết bị và công trình. Thành lập mạng lưới và bộ phận quản lý công tác an toàn lao động trên công trường; đồng thời quy định cụ thể công việc thực hiện và trách nhiệm đối với những cá nhân quản lý công tác an toàn lao động trong quá trình thi công.

- Những người tham gia thi công xây dựng trên công trường phải được khám sức khỏe, huấn luyện về an toàn và được cấp phát đầy đủ phương tiện bảo vệ cá nhân theo quy định.

- Tổ chức, cá nhân khi tham gia hoạt động xây dựng phải có đủ điều kiện năng lực phù hợp với công việc đảm nhận theo quy định. Những người điều khiển máy, thiết bị và những người thực hiện các công việc có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động phải được huấn luyện an toàn lao động và có thẻ an toàn lao động theo quy định.

- Máy, thiết bị thi công có yêu cầu nghiêm ngặt về ATLĐ phải được kiểm định, đăng ký với cơ quan có thẩm quyền theo quy định thì mới được phép hoạt động trên công trường. Khi hoạt động, máy và thiết bị thi công phải tuân thủ quy trình, biện pháp đảm bảo an toàn.

- Thực hiện nghiêm chỉnh và đầy đủ các quy định báo cáo về tình hình an toàn lao động trong thi công xây dựng theo Thông tư 22/2010/TT-BXD ngày 03/12/2010 của Bộ Xây dựng. Sở Xây dựng các địa phương có trách nhiệm báo cáo Bộ Xây dựng định kỳ 6 tháng, một năm về tình hình an toàn lao động trong thi công xây dựng và cung cấp thông tin nhà thầu vi phạm an toàn lao động trên địa bàn.

Bộ Xây dựng giao Vụ Quản lý hoạt động xây dựng chủ trì, phối hợp với các cơ quan đơn vị liên quan tổ chức giám sát, kiểm tra việc thực hiện Chỉ thị này, báo cáo định kỳ tình hình thực hiện ATVSLĐ, PCCN tại các đơn vị, đồng thời phản ánh những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện và đề xuất các giải pháp tháo gỡ, khắc phục kịp thời.

Bộ Xây dựng yêu cầu Thủ trưởng các đơn vị phối hợp chặt chẽ với Ban chấp hành Công đoàn cùng cấp tổ chức thực hiện tốt Chỉ thị này nhằm đảm bảo an toàn, ngăn chặn tai nạn trong lao động, bệnh nghề nghiệp; bảo vệ, nâng cao sức khoẻ cho công nhân viên chức lao động ở mỗi đơn vị trong Ngành.

(Xem toàn văn tại: www.moc.gov.vn)

VĂN BẢN CỦA ĐỊA PHƯƠNG

Chỉ thị 06 /2011/CT-UBND của Uỷ ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về tăng cường thực hiện tiết kiệm điện trên địa bàn thành phố

Ngày 28/02/2011, UBND thành phố Hồ Chí Minh đã ban hành Chỉ thị số 06/2011/CT-UBND Về tăng cường thực hiện tiết kiệm điện trên địa bàn thành phố.

Tại Chỉ thị này, UBND thành phố Hồ Chí Minh yêu cầu mọi tổ chức, cá nhân trên địa bàn thành phố phải thực hiện nghiêm Luật Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả, Chỉ thị số 171/CT-TTg ngày 26/01/2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường thực hiện tiết kiệm điện.

Theo đó, các cơ quan, đơn vị thụ hưởng ngân sách Nhà nước phải xây dựng và thực hiện kế hoạch tiết kiệm điện năng sử dụng hàng năm của cơ quan, đơn vị theo Thông tư số 111/2009/TTLT/BTC-BCT của Liên Bộ Tài chính - Công Thương; xây dựng và ban hành quy định về sử dụng điện, thay thế, sửa chữa các trang thiết bị sử dụng điện tại cơ quan, đơn vị.

Đối với hệ thống chiếu sáng công cộng, cần kiểm tra, đánh giá chế độ chiếu sáng theo các tiêu chuẩn chiếu sáng hiện hành, đảm bảo nguyên tắc chiếu sáng hiệu quả, tiết kiệm theo tiêu chuẩn Việt Nam TCXDVN 259:2001; Áp dụng hệ thống thiết bị điều khiển tự động có chế độ điều chỉnh công suất để giảm công suất chiếu sáng về đêm khi mật độ giao thông giảm; Triển khai thực hiện đầu tư, trang bị hệ thống điều khiển tự động cho các hệ thống chiếu sáng đường phố chính, điều chỉnh thời gian chiếu sáng đường phố hợp lý theo mùa trong năm, phù hợp theo đặc điểm nhu cầu sinh hoạt và các hoạt động, các sự kiện tại địa phương, tránh lãng phí điện; Khi thay thế đèn hư hỏng phải sử dụng nguồn sáng và các thiết bị chiếu sáng hiệu suất cao. Đối với hệ thống đèn chiếu sáng vườn hoa, công viên chỉ sử dụng các loại đèn tiết kiệm điện; giảm 50% công suất chiếu sáng vào giờ cao điểm buổi tối của hệ thống chiếu sáng công cộng chưa có thiết bị điều khiển tự động có chế độ điều chỉnh công suất hệ thống, đèn chiếu sáng vườn hoa, công

viên…, trừ các dịp ngày lễ, ngày tết và các sự kiện lớn trên địa bàn thành phố.

Các hộ gia đình và các cơ sở kinh doanh dịch vụ phải hạn chế sử dụng các thiết bị tiêu thụ điện lớn trong giờ cao điểm từ 17h đến 21h hàng ngày; Khuyến khích sử dụng bình nước nóng sử dụng năng lượng mặt trời; Các nhà hàng, cơ sở dịch vụ thương mại giảm 50% công suất chiếu sáng quảng cáo, trang trí ngoài trời vào giờ cao điểm buổi tối của hệ thống điện...

Đối với các doanh nghiệp sản xuất thực hiện ngay các giải pháp tiết kiệm điện sau: Phối hợp với các đơn vị điện lực xây dựng các giải pháp sử dụng điện tiết kiệm và hiệu quả, đảm bảo sử dụng đúng công suất và biểu đồ phụ tải đã đăng ký trong hợp đồng mua bán điện. Bố trí kế hoạch sản xuất hợp lý, hạnchế tối đa việc huy động các thiết bị tiêu thụ công suất điện lớn như các máy nghiền, trạm bơm nước, máy nén khí… vào giờ cao điểm, không để các thiết bị điện hoạt động không tải; Các doanh nghiệp thuộc danh mục cơ sở sử dụng năng lượng trọng điểm theo quy định tại Luật Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả phải xây dựng kế hoạch tiết kiệm điện mỗi năm ít nhất 1%; Tắt các thiết bị điện và đèn chiếu sáng không cần thiết trong thời gian nghỉ giữa ca, không để các thiết bị hoạt động ở chế độ không tải. Triệt để tiết kiệm điện chiếu sáng sân, vườn, đường nội bộ trong các khu công nghiệp, khu chế xuất, cụm công nghiệp; Chuẩn bị các nguồn dự phòng để đáp ứng nhu cầu sản xuất khi xảy ra thiếu điện, xây dựng phương án tự cắt giảm phụ tải khi xảy ra thiếu điện; Hạn chế đến mức tối đa việc sử dụng bóng đèn có công suất lớn để quảng cáo, trang trí; Ban hành quy định, quy chế hoặc giải pháp để sử dụng điện tiết kiệm trong phạm vi doanh nghiệp; Thực hiện kiểm toán năng lượng nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng năng lượng tại đơn vị.

Chỉ thị này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày, kể từ ngày ký ban hành.

(Xem toàn văn tại: hochiminhcity.gov.vn)

Quyết định số 05/2011/QĐ-UBND về việc đơn giản hóa thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Xây dựng tỉnh An Giang

Ngày 28/02/2011, Uỷ ban nhân dân tỉnh An Giang đã ban hành Quyết định số 05/2011/QĐ-UBND về việc đơn giản hóa thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Xây dựng tỉnh An Giang.

Theo đó, bãi bỏ Quyết định 33/2007/QĐ-UBND ngày 06/7/2007 của UBND tỉnh An Giang về việc ban hành bản Quy định quản lý đầu tư xây dựng khu dân cư và nhà ở trên địa bàn tỉnh An Giang. Thủ tục hành chính "Thẩm định thiết kế cơ sở dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu dân cư và nhà ở" được thực hiện theo quy định tại thủ tục hành chính "Thẩm định thiết kế cơ sở dự án đầu tư xây dựng công trình" đã được công bố tại Quyết định số 1913/QĐ-UBND ngày 26/8/2009 của UBND tỉnh về công bố bộ thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Xây dựng An Giang; Bãi bỏ thủ tục hành chính "Nghiệm thu công trình hoàn thành" tại Quyết định số 1913/QĐ-UBND ngày 26/8/2009 của UBND tỉnh An Gian; Bãi bỏ Quyết định số 33/2009/QĐ-UBND ngày 09/9/2009 của UBND tỉnh An Giang ban hành quy định cấp giấy phép xây dựng trên địa bàn tỉnh An Giang.

Ban hành kèm theo Quyết định số 05/2011/QĐ-UBND của UBND tỉnh An Giang có các bản Quy định về: cấp giấy phép xây dựng và quản lý xây dựng theo giấy phép trên địa bàn tỉnh; thẩm định hồ sơ thiết kế cơ sở và phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình mỏ

đối với các tổ chức không sử dụng vốn ngân sách nhà nước; Thẩm định hồ sơ thiết kế cơ sở, thẩm định và phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình mỏ đối với các tổ chức sử dụng vốn ngân sách nhà nước.

Tại Quy định về cấp giấy phép xây dựng và quản lý nhà nước về xây dựng trên địa bàn tỉnh An Giang quy định, trước khi khởi công xây dựng công trình chủ đầu tư phải có giấy phép xây dựng, trừ các công trình được miễn giấy phép xây dựng. Đối với các công trình được miễn giấy phép xây dựng, trước khi khởi công chủ đầu tư phải thông báo hoặc đăng ký bằng văn bản cho chính quyền địa phương để theo dõi, quản lý. Đối với công trình ngầm đô thị được thực hiện theo Nghị định số 39/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ.

Việc cấp giấy phép xây dựng tạm chỉ áp dụng đối với những vùng đã có quy hoạch xây dựng được duyệt và công bố nhưng chưa có quyết định thu hồi đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền để thực hiện quy hoạch. Để được cấp giấy phép xây dựng tạm, chủ đầu tư phải có giấy tờ hợp pháp về quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà theo quy định, quy mô công trình nhỏ hơn 03 tầng hoặc diện tích xây dựng nhỏ hơn 250m^2. Nội dung giấy phép xây dựng tạm phải ghi rõ thời gian có hiệu lực của giấy phép. Chủ đầu tư phải cam kết và thực hiện tháo dỡ không điều kiện nhà ở, công trình xây dựng khi Nhà nước triển khai thực hiện quy hoạch.

Công trình được cấp giấy phép xây dựng phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện: Phù hợp với quy hoạch chi tiết xây dựng được duyệt. Trong trường hợp công trình không phù hợp với quy hoạch chi tiết được duyệt thuộc địa bàn thành phố Long Xuyên, thị xã Châu Đốc và thị xã Tân Châu phải có ý kiến thống nhất bằng văn bản của Sở Xây dựng (trừ nhà ở riêng lẻ); Phải phù hợp với mục đích sử dụng đất theo quy định của Luật Đất đai; Phù hợp với quy định của Nghị định số 20/2009/NĐ-CP của Chính phủ về quản lý độ cao chướng ngại vật hàng không và các trận địa quản lý, bảo vệ vùng trời tại Việt Nam; Bảo đảm các quy định về chỉ giới đường đỏ, chỉ giới xây dựng, thiết kế đô thị. Những khu đất có diện tích nhỏ hơn 15m^2 và có chiều rộng mặt tiền hoặc chiều sâu so với chỉ giới xây dựng nhỏ hơn 3 m thì không được phép xây dựng. Diện tích khu đất từ 15m^2 đến 40m^2 có chiều rộng mặt tiền từ 3 m trở lên và có chiều sâu so với chỉ giới xây dựng từ 3 m trở lên thì được phép xây dựng không quá 2 tầng.

Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày kể từ ngày ký.

(Xem toàn văn tại:www.angiang.gov.vn)

Hội thảo Sản phẩm mới, công nghệ mới thân thiện môi trường của ngành Xây dựng trong hội nhập và phát triển

Ngày 24/3/2011 tại Hà Nội, trong khuôn khổ Triển lãm quốc tế Vietbuild Hà Nội 2011, Bộ Xây dựng đã phối hợp với Hội Vật liệu xây dựng Việt Nam và Cty Hội chợ triển lãm quốc tế tổ chức Hội thảo Sản phẩm mới, công nghệ mới, thân thiện môi trường của ngành Xây dựng trong hội nhập và phát triển.

Tha dự Hội thảo có ông Tống Văn Nga - Chủ tịch Hội công nghiệp bê tông Việt Nam, nguyên Thứ trưởng Bộ Xây dựng, ông Phạm Văn Bắc - Phó Vụ trưởng Vụ VLXD Bộ Xây dựng, TS. Nguyễn Quang Cung - Phó Chủ tịch Hội VLXD Việt Nam, đại diện các cơ quan ở trung ương, các viện nghiên cứu, các doanh nghiệp VLXD.

Tại Triển lãm quốc tế Vietbuild Hà Nội 2011, một trong những tiêu chí lựa chọn sản phẩm VLXD đạt Cúp Vàng chất lượng sản phẩm VTOBUILD và Huy chương Vàng chất lượng sản phẩm là tiêu chí thân thiện môi trường nhằm khuyến khích các đơn vị xây dựng, sản xuất VLXD hướng tới thân thiện môi trường, sử dụng năng lượng tiết kiệm hiệu quả. Trong bối cảnh đó, Hội thảo được tổ chức nhằm tạo điều kiện cho các doanh nghiệp xây dựng đang tham gia Vietbuild Hà Nội 2011 chia sẻ kinh nghiệm, thông tin về các sản phẩm mới, các giải pháp mới không chỉ đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường, mà còn đem lại hiệu quả kinh tế cao nhờ sử dụng tiết kiệm năng lượng và các nguồn nguyên liệu.

Tại Hội thảo, Cty Eurowindow đã giới thiệu vách nhôm kính thế hệ mới - giải pháp tiết kiệm năng lượng và thân thiện với môi trường cho các công trình cao tầng ở Việt Nam. Sản phẩm là một tổ hợp đồng bộ từ thanh profile định hình chia thành nhiều ngăn có cầu cách nhiệt, hộp kính được bơm khí trơ; hệ gioăng kép và phụ

kiện đồng bộ tạo nên hiệu quả cách âm, cách nhiệt tốt, tải trọng nhẹ, kết cấu bền vững phù hợp với nhà cao tầng có kiến trúc dạng hi-tech và có chi phí xây dựng cao.

Vách nhôm kính bao gồm 2 hệ chính là hệ Stick và hệ Unitized. Việc lựa chọn hệ vách nhôm kính phụ thuộc vào chi phí đầu tư của dự án, giải pháp kiến trúc, tiến độ và điều kiện thi công của công trường.

Vách nhôm kính do Eurowindow cung cấp đã và đang được sử dụng tại nhiều công trình xây dựng tại nước ta, như: Tháp BIDV, Vincom Gallery (Hà Nội), Vincom Center (TP Hồ Chí Minh), Cung triển lãm quy hoạch quốc gia, Vipco Tower (Hải Phòng), Trụ sở Bộ Công an,…

Tập đoàn Đồng Tâm Group giới thiệu với Hội thảo 3 loại sản phẩm mới nhất là keo dán gạch Gecko, bột miết mạch cao cấp Groutex Pro và chất chống thấm chất lượng cao cho tường, sàn AquaSeal. Keo dán gạch Gecko được sản xuất theo tiêu chuẩn ISO 13007C, là một dạng hợp chất xi măng, có độ kết dính cực cao, phù hợp với các loại gạch. Ưu điểm là khi sử dụng không phải làm ướt gạch và có thể lát ngay trên nền gạch cũ hoặc có tác dụng chống trượt cho các loại gạch ốp tường cỡ lớn. Bột miết mạch Grountex Pro là một hợp chất gốc xi

măng, được sản xuất theo tiêu chuẩn quốc tế ISO 13007 CG2 WA, đảm bảo tính chống thấm và chịu chà rửa, có độ bền cao, đa dạng về màu sắc, không nứt nẻ khi sử dụng với mạch rộng, chống bám bẩn và tính kháng nấm mốc cao hơn so với xi măng trắng hoặc bột miết mạch chất lượng thấp hơn. Chất chống thấm chất lượng cao AquaSeal có khả năng chống thấm rất cao, dễ thi công,…. được sản xuất ở dạng lỏng gốc xi măng nên rất nhanh khô.

Cty Cổ phần Bê tông, xây dựng A&P giới thiệu vữa khô Mova. Đây là loại vữa có thể sử dụng cho các loại gạch mà vữa xây thông thường không sử dụng được như gạch bê tông khí chưng áp và một số loại gạch không nung khác. Vữa khô Mova được sản xuất trên dây chuyền hiện đại với công nghệ tiên tiến và các phụ gia đa chức năng nhằm cải thiện và tạo nên các ưu điểm như cường độ chịu uốn - nén cao, khả năng bám dính trên mọi bề mặt chất nền tốt, chống co ngót, bền màu sắc và đặc biệt là khả năng tự san bằng bề mặt sàn; ngoài ra vữa khô Mova được đảm bảo chất lượng tại nhà máy, đạt tiêu chuẩn châu Âu, dễ sử dụng, giảm lượng tiêu hao vật tư, giảm thời gian thi công và đặc biệt rất thân thiện với môi trường.

Cty TNHH Đầu tư và công nghệ TFI là Cty đầu tiên triển khai và ứng dụng thành công hệ thống đỗ xe tự động tại Việt Nam. Hệ thống đảm bảo tiết kiệm diện tích, nhanh chóng, an toàn và linh hoạt, số lượng chỗ đỗ xe tăng gấp đôi, là giải pháp thích hợp cho nội đô và bãi đỗ xe công cộng. Hệ thống vận hành đơn giản và tiết kiệm thời gian cho người sử dụng, tránh những khó khăn như tìm chỗ đỗ, lùi xe, quay đầu. Hệ thống có thể được triển khai từ quy mô nhỏ đến rất lớn, có thể được lắp đặt bổ sung vào toà nhà có sẵn, xây dựng ngầm hoặc nổi; các mô đun tách rời cho phép lắp đặt tại các diện tích khác nhau, thậm chí di dời khi cần thiết.

Cty Cổ phần công nghệ Futech đã kết hợp thành công hệ thống Access Control, camera, phầm mềm nhận dạng biển số iParking tạo thành hệ thống quản lý bãi đỗ xe thông minh được trang bị phần mềm kiểm soát vé tự động iParking và hệ thống Car-Parking. Hệ thống có những ưu điểm như an toàn, giảm thời gian nhận xe, hiện đại và khoa học; ngoài ra phần mềm còn giúp giám sát nguồn thu chặt chẽ, nắm được công suất, hiệu quả khai thác, giảm thiểu sai sót do sử dụng quy trình khép kín, tối ưu hoá hệ thống, tuỳ chọn mức độ nhận dạng.

Cty Cổ phần Tập đoàn nhựa Đông Á (Cty DAG) đã nghiên cứu và tự sản xuất ra sản phẩm thanh profile chất lượng cao cho hệ thống cửa uPVC nhãn hiệu Sea Profile phù hợp tiêu chuẩn châu Âu (BS EN 12608).

Thanh profile được sản xuất định hình bằng phương pháp ép đùn chất liệu là nhựa PVC không hoá dẻo (uPVC), bên trong được gia cường bằng gân tăng cứng. Thanh profile uPVC còn được gia cường bằng lõi thép định hình để tạo thành cửa, vì vậy thanh profile và cửa uPVC nổi bật bởi các đặc tính như cách nhiệt, cách âm với nhiều mục đích sử dụng, chịu lão hoá, không biến dạng, chịu cháy, chịu va đập, độ bền (không phải sơn sửa, bảo dưỡng định kỳ), thân thiện và bảo vệ môi trường (không gây chấn thương do có hình dáng kiến trúc phù hợp, không có thành phần độc hại, có tính thay thế cao các vật liệu truyền thống và uPVC có thể tái sinh).

Thực hiện định hướng và chính sách ưu đãi của Chính phủ đối với chương trình phát triển VLXD không nung, TCty Viglacera là đơn vị tiên phong trong phát triển bê tông khí chưng áp và đã đầu tư xây dựng nhà máy bê tông khí chưng áp công suất 200.000 m^3/năm.

Bê tông khí chưng áp có nhiều đặc tính cơ lý vượt trội, trong đó khối lượng thể tích và cường độ là hai đại lượng quan trọng để đánh giá chất lượng bê tông khí:

Gạch bê tông khí có khả năng cách âm cao gấp 2 lần so với gạch xây thông thường. Khả năng hút nước được thể hiện trong kết quả thí nghiệm phun nước vào tường bê tông khi không trát với lưu lượng 228 mm/h như sau:

Cty đã và đang cung cấp gạch block bê tông

khí cho nhiều công trình tại Hà Nội và vùng lân cận như: Indochina Hà Nội Plaza, chung cư cao cấp 671 Hoàng Hoa Thám, toà nhà Bình Vượng Hà Đông, nhà văn phòng 32 Trần Hưng Đạo,…

Nhà máy xi măng Hạ Long thuộc Cty CP xi măng Hạ Long chính thức đốt lò từ ngày 02/2/2010 và đi vào sản xuất thương mại các loại sản phẩm: Xi măng PCB 40, PCB 30 (bao và rời), poocläng PC 50, Clinker thương phẩm CPC 50, CPC 60 và sản phẩm theo đơn đặt hàng (XM bền sunfat, ít toả nhiệt,…).

Cơ sở sản xuất của Cty bảo đảm yêu cầu bảo vệ môi trường, sản xuất thân thiện với môi trường. Nhà máy có hệ thống xử lý chất thải bảo đảm đạt được các yêu cầu về phát thải chất thải rắn, lỏng và khí vào môi trường.

Với chất lượng dịch vụ ưu việt, dịch vụ khách hàng chu đáo và nhanh chóng, Cty đã vinh dự được nhận giải thưởng Cúp Vàng chất lượng xây dựng Việt Nam năm 2010, danh hiệu sản phẩm Vàng thời hội nhập và đứng trong Top 30 doanh nghiệp hội nhập và phát triển.

Cty Polytech Hàn Quốc là nhà sản xuất ống HDPE (polyetylen mật độ cao) chuyên nghiệp với ứng dụng đa dạng. Cty giới thiệu các loại sản phẩm như ống cấp nước HDPE, ống dẫn khí HDPE, ống HDPE hai vách và ống đục lỗ, ống HDPE gân xoắn và ống đục lỗ. Các sản phẩm có tuổi thọ bán vĩnh cửu và chịu được áp lực cao, sức va đập mạnh cũng như chịu mài mòn và hoá chất rất tốt. Mối nối đơn giản, trọng lượng nhẹ giúp cho việc lắp đặt nhanh và giảm thời gian thi công, qua đó giảm được chi phí.

Sản phẩm nhôm thanh định hình Hondalex được sản xuất trên dây chuyền hiện đại của Nhật Bản cùng với hệ thống quản lý ISO 9001:2008, đạt tiêu chuẩn Mỹ ASTM B211M và tiêu chuẩn Nhật JIS H4100. Đặc biệt nhôm thanh định hình được sơn tĩnh điện và decor vân gỗ đem lại cho sản phẩm Hondalex có khả năng chống xước, chống ăn mòn và chống phai màu cao. Sản phẩm có ưu điểm nhẹ, bền, tính thẩm mỹ cao, không từ tính, tái sử dụng được nhiều lần, dễ đàn hồi, gia công, nhiều kiểu dáng và màu sắc. Sản phẩm được phân phối bởi Cty TNHH Thuận Thiên Thành (Hà Nội) ở khu vực phía Bắc và Cty Long Vân (TP Hồ Chí Minh) ở phía Nam.

Cùng với Triển lãm quốc tế Vietbuild 2011 diễn ra tại Hà Nội, Hội thảo góp phần tích cực cho việc phổ biến rộng rãi các sản phẩm mới, công nghệ tiên tiến, thân thiện môi trường tại thị trường nước ta đồng thời giúp các doanh nghiệp và đối tác hiểu biết sâu sắc hơn về các sản phẩm xây dựng đang được giới thiệu tại Triển lãm.

Huỳnh Phước

Hội thảo giới thiệu những phát triển mới trong công nghệ nghiền của Công ty LOESCHE

Sáng ngày 25/3/2011 tại Hà Nội, Tập đoàn công nghiệp xi măng Việt Nam VICEM đã tổ chức Hội thảo giới thiệu những phát triển mới trong công nghệ nghiền của Công ty Loesche (CHLB Đức).

Tham dự hội thảo có TS. Trần Văn Huynh - Chủ tịch Hiệp hội Vật liệu xây dựng Việt Nam, nguyên Thứ trưởng Bộ Xây dựng, ông Tống Văn Nga - Chủ tịch Hội Công nghiệp bê tông Việt Nam, nguyên Thứ trưởng Bộ Xây dựng, Ông Gerhard Selewski – Tổng giám đốc phụ trách kinh doanh, bán hàng và các chuyên gia của Công ty Loesche; lãnh đạo Tập đoàn Công nghiệp xi măng Việt Nam, đại diện các phòng ban, các Công ty xi măng thuộc Tập đoàn và các doanh nghiệp xi măng khác

Phát biểu khai mạc Hội thảo, ông Lý Tân Huệ - Phó Tổng giám đốc VICEM cho biết: Loesche GMBH thành lập năm 1906 và đã hoạt động rất thành công với những bước phát triển

lớn trong công nghiệp nghiền xi măng trong hơn 100 năm qua. Loesche thiết kế, chế tạo, lắp ráp toàn bộ cho từng máy móc đơn lẻ cho đến lắp đặt các trạm nghiền theo phương thức chìa khoá trao tay cho các ngành công nghiệp xi măng, điện, thép và đã thu được nhiều thành công từ các dự án trên khắp thế giới. Loesche hiện nay cũng đã và đang thực hiện nhiều dự án/đơn hàng tại Việt Nam và được khách hàng đánh giá cao.

Tại Hội thảo, các chuyên gia của Loesche giới thiệu với các nhà quản lý, các doanh nghiệp, chuyên gia và nhà khoa học nước ta những phát triển mới nhất trong lĩnh vực công nghệ nghiền phục vụ không chỉ sản xuất xi măng mà còn cho các ngành công nghiệp khác như điện, khai thác khoáng sản,…giới thiệu về công nghệ và thiết bị nghiền nguyên liệu thô cho sản xuất xi măng, nghiền nguyên liệu cung cấp cho nhà máy nhiệt điện, ngành khai thác khoáng sản, trong đó có công nghệ và thiết bị nghiền công suất lớn, công nghệ và thiết bị mới được phát triển năm 2010 sử dụng than thay cho dầu và khí đốt làm nhiên liệu, các phát triển mới của Loesche trong tiết kiệm năng lượng và giảm phát xạ CO_2 trong công nghệ nghiền; các khả năng cải tiến đối với các thiết bị nghiền thuộc thế hệ được chế tạo trước đây để đạt được các tính năng tiên tiến.

Ngoài giới thiệu các công nghệ mới, các chủng loại thiết bị nghiền mới, các báo cáo đã tập trung phân tích kỹ các ưu nhược điểm, đánh giá và so sánh hiệu quả kinh tế, kỹ thuật của công nghệ và thiết bị mới; giới thiệu các cơ sở nghiên cứu lý thuyết và thực nghiệm để nghiên cứu thiết kế chế tạo mới, cải tiến các thiết bị nghiền cho hiệu quả tiết kiệm năng lượng cao, thân thiện với môi trường có tính đến đặc thù của sản xuất xi măng, ngành điện và khai thác khoáng sản.

Hội thảo đã tạo cơ hội cho các chuyên gia Việt Nam tiếp cận với các thông tin và kinh nghiệm bổ ích về những phát triển mới nhất trong công nghệ nghiền của thế giới.

H. Phước

Hội nghị thẩm định Quy hoạch chung xây dựng đô thị Vĩnh Phúc

Ngày 24/3/2011 tại Bộ Xây dựng, Thứ trưởng Bộ Xây dựng Nguyễn Đình Toàn đã chủ trì Hội nghị thẩm định Quy hoạch chung xây dựng đô thị Vĩnh Phúc tỉnh Vĩnh Phúc đến năm 2030 tầm nhìn đến năm 2050.

Tham dự Hội nghị thẩm định có Phó Chủ tịch UBND tỉnh Vĩnh Phúc Đặng Quang Hồng, Chủ tịch Hội Quy hoạch phát triển đô thị Việt Nam - KTS. Trần Ngọc Chính, đại diện các Bộ ngành Trung ương, các Sở ngành tỉnh Vĩnh Phúc, các Cục, Vụ chức năng của Bộ Xây dựng và các Hội, Hiệp hội ngành Xây dựng.

Tỉnh Vĩnh Phúc nằm ở đỉnh tam giác châu thổ sông Hồng, thuộc vùng thủ đô Hà Nội, nằm trong vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ và vùng lan toả của tam giác kinh tế Hà Nội - Hải Phòng - Hạ Long. Việc nghiên cứu quá trình đô thị hoá ở tỉnh Vĩnh Phúc cho thấy đã xuất hiện những yếu tố tạo ra sự cần thiết phải lập Quy hoạch chung xây dựng đô thị Vĩnh Phúc (Quy hoạch chung - QHC). Việc lập QHC sẽ giúp đô thị Vĩnh Phúc phát huy được các lợi thế của Vĩnh Phúc - một tỉnh có tiềm năng lớn để tham gia quá trình liên kết, hợp tác và phát triển với các địa phương trong nước và quốc tế.

Theo báo cáo thuyết minh đồ án QHC, trong những năm qua việc thực hiện các chủ trương mới và các điều chỉnh định hướng phát triển quan trọng đã có tác động đến sự phát triển kinh tế - xã hội và quá trình đô thị hoá của tỉnh trong đó có đô thị Vĩnh Phúc. Việc lập QHC là do yêu cầu phát triển, nhất là tốc độ đô thị hoá

diễn ra nhanh hơn thời kỳ sản xuất nông nghiệp và giai đoạn đầu của quá trình phát triển công nghiệp. Những năm gần đây các đô thị Vĩnh Yên và Phúc Yên có những bước phát triển mạnh mẽ, bước đầu hình thành những nét cơ bản của một đô thị hiện đại. Tuy nhiên do công tác quy hoạch, quản lý đô thị còn thiếu đồng bộ, nên việc phát triển đô thị còn mang tính tự phát. Trong thời gian tới cùng với quá trình công nghiệp hoá và hiện đại hoá diễn ra mạnh mẽ, đô thị hoá ở Vĩnh Phúc cũng sẽ diễn ra với tốc độ nhanh vì vậy tỉnh Vĩnh Phúc phải chủ động quy hoạch phát triển đô thị trong đó có việc lập QHC đô thị Vĩnh Phúc làm công cụ quản lý và phát triển đô thị, thực hiện kế hoạch đầu tư, thu hút các nguồn lực cho phát triển.

Trước yêu cầu cấp thiết nêu trên, UBND tỉnh Vĩnh Phúc đã tổ chức lập đồ án Quy hoạch chung xây dựng đô thị Vĩnh Phúc đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050. Đơn vị tư vấn lập đồ án là Cty Tư vấn Nikken Sekkei Civil Engineering Ltd. Nhật Bản.

Đô thị Vĩnh Phúc bao gồm thành phố Vĩnh Yên, thị xã Phúc Yên, huyện Bình Xuyên và các khu vực đô thị hoá thuộc các huyện Yên Lạc, Vĩnh Tường, Tam Dương và Tam Đảo. Phạm vi nghiên cứu của QHC khoảng 318,6 km^2.

Tư vấn lập đồ án quy hoạch đã tiến hành khảo sát đánh giá thực trạng và điều kiện tự nhiên; nghiên cứu, đánh giá quan hệ vùng và khu vực (quan hệ giữa đô thị Vĩnh Phúc với vùng nông thôn Vĩnh Phúc, với cả nước và các nước trong khu vực, quan hệ giữa tỉnh Vĩnh Phúc với thủ đô Hà Nội và các tỉnh khác trong Vùng thủ đô và Vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ); đề xuất các cơ sở kinh tế - kỹ thuật, quy mô dân số, đất đai; lựa chọn đất xây dựng đô thị; nghiên cứu định hướng phát triển không gian đến năm 2030; lập quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật; thiết kế đô thị; quy hoạch xây dựng ngắn hạn đến năm 2015 và công tác quản lý quy hoạch - đô thị; xây dựng hệ thống dữ liệu quy hoạch bằng hệ thống thông tin địa lý (GIS) phục vụ quản lý đô thị.

Các báo cáo phản biện và ý kiến đóng góp của các thành viên Hội đồng thẩm định cho thấy sự đánh giá cao nỗ lực của tư vấn trong việc lập QHC. Đây là một công trình nghiên cứu nghiêm túc, công phu, có căn cứ, phân tích kỹ, trình bày và thuyết minh sinh động, đã tiếp thu tốt và tuân thủ các quy định của pháp luật Việt Nam. Về cơ bản đồ án đã triển khai đúng nhiệm vụ thiết kế đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. Đồ án đã đề xuất các giải pháp quy hoạch khoa học, hợp lý. Quy hoạch hướng tới mục tiêu xây dựng đô thị Vĩnh Phúc là đô thị hiện đại, có chất lượng cuộc sống tốt và hạnh phúc, tiện nghi; phấn đấu trở thành đô thị loại 1, có vai trò quan trọng thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh và Vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ; là cơ sở để lập quy hoạch chi tiết các ngành, lĩnh vực của tỉnh. Tuy nhiên, các ý kiến của Hội đồng thẩm định đề nghị tư vấn tiếp tục nghiên cứu một số vấn đề để hoàn thiện đồ án QHC, như trình bày rõ hơn về lộ tuyến của tuyến xe buýt nhanh, tuyến đường bắc - Nam cần nối đến tận sông Hồng, điều chỉnh đường vành đai 5 cho hợp lý, làm rõ khái niệm phát triển nông nghiệp cao, cần làm nổi bật hơn đặc tính văn hoá, cảnh quan của đô thị vùng trung du - miền núi, trình bày kỹ hơn về quan hệ đô thị - nông thôn,…

Phát biểu kết luận Hội nghị, Thứ trưởng Nguyễn Đình Toàn đánh giá cao các ý kiến phản biện và ý kiến của các thành viên Hội đồng, chỉ đạo đơn vị tư vấn cần nghiên cứu tiếp thu tốt các ý kiến đó để hoàn chỉnh đồ án. Thứ trưởng hoan nghênh sự nỗ lực của tư vấn trong việc đưa ra cách làm mới đối với một bản đồ án quy hoạch của Việt Nam, tuy nhiên cần lưu ý một số vấn đề như bổ sung cơ sở khoa học và pháp lý, cập nhật kế hoạch kinh tế - xã hội của tỉnh, phân tích rõ hơn mối quan hệ giữa đô thị và nông thôn và sự tác động qua lại giữa đô thị Vĩnh Phúc với các đô thị khác trong tỉnh, làm rõ

mô hình nông thôn mới bên trong và bên ngoài đô thị. Thứ trưởng cho biết: Ý kiến của Hội đồng là thống nhất với việc thông qua QHC này.

Sau khi được phê duyệt và đi vào thực hiện QHC sẽ góp phần đẩy mạnh đầu tư, tăng thu ngân sách từ thuế, đảm bảo tạo việc làm ổn định cho người lao động và thúc đẩy kinh tế tỉnh Vĩnh Phúc phát triển vững mạnh đồng thời nâng cao mức sống người dân.

Huỳnh Phước

Các loại vữa polyme biến tính dùng để sửa chữa bề mặt bê tông

Công tác sửa chữa bề mặt các công trình bê tông thường cần nhiều loại polyme để biến đổi tính chất của xi măng và bê tông. Việc thay đổi các tính chất của xi măng bởi các polyme tạo ra nhiều tính chất quan trọng, có thể phù hợp với nhiều dạng ứng dụng khác nhau. Để tạo ra những tính năng theo ý muốn đối với bất kỳ ứng dụng nào, thì cần phải nắm được những nguyên lý cơ bản rằng tại sao các polyme lại có thể biến đổi được những tính chất của xi măng.

Trước hết cần hiểu rằng các polyme được sử dụng với mục đích đầu tiên là làm thay đổi các tính chất của vữa (xi măng poocläng + nước + cát), mà không phải của bê tông (vữa + cốt liệu lớn như đá dăm, sỏi cuội), là do có liên quan đến chi phí. Trừ trường hợp bê tông polyme biến tính dùng trong sửa chữa mặt cầu và sửa chữa đường, còn hầu hết xi măng polyme biến tính được sử dụng cho một lớp vữa có độ dày khoảng 1 - 2 inch (2,5 - 5,0 cm). Tuy nhiên vẫn phải nắm được nguyên lý sau.

Các polyme cải thiện tính chất của vữa theo 4 cách sau đây:

- Bảo dưỡng xi măng tích cực hơn. Cường độ bê tông xi măng phụ thuộc vào bảo dưỡng hoàn hảo, phản ứng hoá học (thuỷ hoá) giữa xi măng và nước khiến cho các tinh thể phát triển và bao quanh các thành phần của hỗn hợp bê tông. Trong giai đoạn đầu bảo dưỡng (khoảng 5 - 7 ngày đầu), phải có đủ nước để duy trì quá trình thuỷ hoá hay để cho xi măng/bê tông sẽ không rắn chắc hoàn toàn.

Các polyme làm giảm tốc độ bay hơi nước, cho phép cấu trúc tinh thể duy trì phát triển và tạo ra cường độ trong quá trình bảo dưỡng sớm ban đầu. Làm giảm bay hơi nước đặc biệt quan trọng đối với các lớp mỏng, ở đó diện tích bề mặt bay hơi lớn so với thể tích của vữa.

- Làm tăng tính linh động của hỗn hợp. Polyme biến tính cải thiện đáng kể các tính năng của vữa, khiến cho vữa chảy hơn và dễ dàng thi công hơn. Một lượng polyme nhất định tồn tại suốt quá trình thuỷ hoá, có thể kéo dài thời gian thi công, đó là đặc tính quan trọng khi thời tiết nóng. Điều này có nghĩa là các nhà thầu có thể sử dụng ít nước hơn để có được tính công tác của hỗn hợp bê tông theo ý muốn. Polyme có tác dụng như một chất giảm nước, khiến cho vữa có cường độ cao hơn, ít lỗ rỗng và ít khuyết tật hơn.

- Độ dính bám được cải thiện. Polyme biến tính có tác dụng làm tăng độ dính bám của vữa với các bề mặt khác nhau như bê tông, khối xây, gạch, gỗ, polystyrene cứng và polyurethan bọt, thuỷ tinh và các kim loại. Dính bám là tính chất quan trọng, đặc biệt đối với các lớp vữa mỏng như vữa phun, vữa stucco trát bít và các lớp vữa lót, các bề mặt chịu rung và chịu các phương tiện giao thông nặng.

- Tăng cường độ và độ bền vững. Các vữa polyme biến tính nói chung tăng cường độ chịu kéo và uốn, tăng độ bền chống va đập và chống mài mòn, tăng khả năng chịu nước, tăng độ bền hoá học hơn so với các loại vữa không biến tính. Đồng thời, trong vữa hạn chế được sự phát sinh nứt vi mô, khiến cho cải thiện được độ

cứng của vữa nói chung.

Những ứng dụng:

Sự kết hợp khả năng công tác, độ dính bám được cải thiện với tăng cường bảo dưỡng cho phép sử dụng vữa polyme biến tính trong một số lĩnh vực ứng dụng đặc biệt quan trọng mà các loại vữa khác không thể thực hiện được.

Một trong những lĩnh vực ứng dụng quan trọng nhất đó là sử dụng cho lớp vữa mỏng dày không quá 1 - 2 inch. Tất cả những ứng dụng này đều đòi hỏi các tính chất hoá/cơ của vật liệu phải đáp ứng.

- Chất gắn kết và vữa: Các viên ốp tường và lát sàn bằng gốm(ceramic), đá marble và các loại đá khác...Độ dính bám, độ chịu nước/hoá chất, cường độ uốn phải đảm bảo. Đó là những ứng dụng phổ biến nhất đối với các loại vữa polyme biến tính.

- Các loại vữa sửa chữa và đắp vá: Các loại vữa dùng để sửa chữa nứt và bong dộp các kết cấu bê tông như vỉa hè, đường ô tô và tường. Độ dính bám, khả năng chống mài mòn, cường độ kéo và uốn là các chỉ tiêu quan trọng. Vữa mới sẽ không liên kết tốt với bê tông cũ nếu không được biến tính bởi polyme.

- Các lớp phủ trang trí: Các lớp phủ tường và hoàn thiện nhà (vữa stucco polyme biến tính). Độ dính bám, cường độ kéo và uốn, độ bền vững bên ngoài là các chỉ tiêu quan trọng.

- Sàn và mặt đường: Có thể sử dụng vữa và bê tông cho phủ sàn nhà công nghiệp/thương mại như các nhà kho, các xưởng, bệnh viện, cầu thang, gara, sàn đường sắt, đường băng...Khả năng dính bám, cường độ kéo và uốn, độ chịu nước, chịu hoá chất và độ bền vững bên ngoài là các chỉ tiêu quan trọng.

- Chống thấm nước: Các kết cấu như tầng trệt, bể chứa nước, bể chứa hoá chất, sàn tầu, mái nhà, tường bê tông. Độ chịu nước đối với tất cả; độ chịu hoá chất và các tính chất khác đều phụ thuộc vào lĩnh vực sử dụng.

Các loại polyme:

Có nhiều loại polyme có thể sử dụng cho vữa, gồm các polyme latex(nhựa, mủ); polyme khô tái chế, polyme tan trong nước, và nhiều loại khác. Điều quan trọng là các nhà thầu phải tuân theo các điều kiện sau đây:

- Chọn loại vữa đúng cần cho công việc. Nhãn mác chỉ ra vữa phù hợp sử dụng ở trong hay ngoài nhà (khả năng chống tia cực tím UV), độ chống thấm (chịu nước), các viên gốm (độ dính bám, chịu nước). Phần lớn các nhãn hiệu sẽ không chỉ rõ dành cho ngoài nhà cần biến tính 100% bằng polyme acrylic, nhưng nhãn hiệu phải chỉ rõ vữa đó có thích hợp sử dụng bên ngoài hay không/hay bền chịu ánh nắng mặt trời.

Tương tự, phần lớn các nhãn hiệu sẽ không chỉ rõ rằng vữa chống thấm được biến tính bởi polyme styrene-acrylic, nhưng nhãn hiệu cần chỉ rõ nó có thể sử dụng làm vữa chống thấm hay không.

- Lựa chọn loại polyme lỏng hay khô là phụ thuộc vào nhu cầu. Các polyme lỏng thường chứa trong các bình có hướng dẫn cách pha chế liều lượng bao nhiêu vào hỗn hợp vữa khô chứa cát, xi măng và các thành phần khác. Trong hướng dẫn cũng nêu cách tránh ảnh hưởng của nhiệt độ đóng băng tới độ đồng nhất của polyme. Các polyme khô thường được cho vào vữa khô trước, bởi vậy nhà thầu chỉ cần cho thêm nước vào bao vữa khô khi sử dụng.

- Theo các hướng dẫn trên nhãn mác:

Nhiều nhà thầu thường làm lấy nhanh sử dụng quá ít polyme đựng trong bình hay dùng sản phẩm không được chỉ định trong thiết kế. Để có được tính năng cần thiết đối với hầu hết các lĩnh vực, thì lượng polyme thường phải chiếm tới 3 - 5% trong tổng số chất rắn (10 - 15% so với khối lượng xi măng).

Đinh Bá Lô

Theo "Concrete Construction" Mỹ N12/2010.

Kính trong kiến trúc - truyền thống và các xu hướng hiện đại

Phát minh ra kính là một trong những thành tựu xuất sắc của loài người. Nhiều thế kỷ qua, kính tồn tại như một sản phẩm sáng tạo từ cát – thứ nguyên liệu vô cùng phong phú trên hành tinh của chúng ta, nhờ những đặc tính tuyệt vời, kính đã tham gia vào các mặt hoạt động đời sống của con người. Hiện nay, kính và các sản phẩm từ kính hiện diện khắp nơi quanh chúng ta. Đặc biệt, kính còn được sử dụng rất rộng rãi trong xây dựng - kiến trúc, và chúng ta đã có thể nói về xu hướng chuộng kính trong kiến trúc hiện đại, về sự ra đời của "kiến trúc kính".

Nguồn gốc

Kính được sử dụng đầu tiên trong kiến trúc gô - tích. Thời kỳ này, để hình thành môi trường không gian kiến trúc đối với nội thất quá cao và quá rộng trong các nhà thờ Thiên chúa giáo cần có những vách ngăn nhẹ, để ánh sáng xuyên qua được.

Kính được biết tới trước đó đã gần 300 năm, nhưng sử dụng chủ yếu để chế tạo đồ trang sức, chén bát, trang trí đồ vật. Những tấm kính phẳng và trong suốt bắt đầu được chế tạo về sau này. Người La Mã làm ra các tấm kính và xây các nhà kính để trồng cây không bị phụ thuộc vào thời tiết; song kiến trúc kính chỉ thực sự xuất hiện trong các công trình kiến trúc kiểu gô -tích ở châu Âu, bắt đầu từ tường kính bao quanh các nhà thờ Pháp, và kết thúc bằng các ô cửa sổ lớn giữa các nhịp cột trong các nhà thờ của Anh.

Các bức tường được làm từ hàng trăm nghìn mảnh kính, tạo thành những bức tranh với các chủ đề tôn giáo truyền thống. Kỹ thuật làm

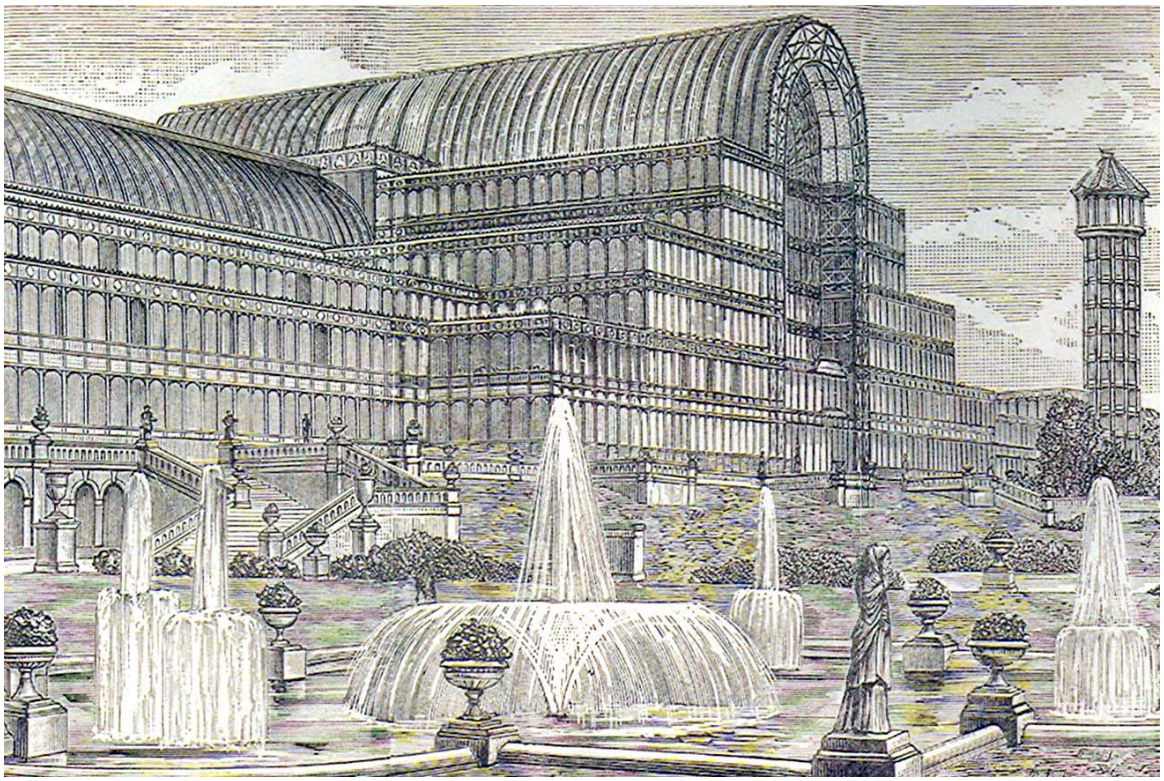

Công trình Cung Pha Lê ở Luân Đôn năm 1851

tường kính màu và kính trong khởi sắc, đem lại cho các công trình kiến trúc này một cảm xúc đặc biệt. Các nhà thờ ở Shart, Paris, Burg là những ví dụ sinh động nhất về nghệ thuật kính. Các mảnh kính màu đỏ, vàng, lục, lam được cắt theo đường nét của bức tranh có trong toàn bộ nội thất của nhà thờ.

Kính màu sử dụng trong kiến trúc gô- tích đã cho ra đời các giá trị thẩm mỹ mới, lập nên không gian khí- màu. Tóm lại, ngay từ thế kỷ XII kính đã đóng vai trò lớn trong tạo hình nội thất các nhà thờ gô-tích vùng Trung Âu và Bắc Âu, và ngày càng được áp dụng rộng rãi. Kiến trúc kính trong nội thất nhà thờ góp phần hình thành cảm xúc mỹ học, có vai trò lớn trong nền nghệ thuật lãng mạn thế kỷ XI- XII.

Thế kỷ XII – XIII, kính không đồng đều về độ dày, thường không trong suốt và hay lỗ chỗ bên trong. Dù vậy, những khiếm khuyết đó không ảnh hưởng đến hiệu quả nghệ thuật mà kính tạo ra: ánh sáng xuyên qua bề dày không đều nhau của kính bị khúc xạ, sinh ra những khoảng sáng và tối mờ. Nếu như cuối thế kỷ XI, các công nhân xây dựng sử dụng chỉ 9 tông mầu thì đến thế kỷ XII, các nhà sản xuất kính của Pháp đã tạo ra được 21 tông mầu từ 7 màu sắc cơ bản.

Kiến trúc nhà kính là khởi nguồn của tất cả các công trình kiến trúc bằng kính và kim loại. Cuối thế kỷ XVI các vườn Mùa đông rất phổ biến. Những loài cây lạ do người châu Âu mang về sau những chuyến đi biển cần được chăm sóc trong môi trường ấm áp. Và các dạng nhà kính đã ra đời trong hoàn cảnh như vậy. Các khu vườn Mùa đông trong hơn 250 năm về sau đã là nền tảng cho sự thăng hoa mới của nghệ thuật kiến trúc kính và kim loại. Một số khu vườn mùa đông đã được công nhận và đi vào nghệ thuật kiến trúc thế kỷ XIX như Palm House do Kwu Richard Terner và Dechimus Barton thiết kế năm 1845 là một trong những vườn đẹp nhất trên thế giới. Các nhà kính của Pháp cũng rất đặc sắc với sự tinh tế lịch lãm vốn có, một trong số đó là khu nhà kính trong Vườn thực vật Bảo tàng thiên nhiên – tác phẩm của Poo de Fleri (Paris). Một công trình rất nổi tiếng, được coi là công trình thế kỷ chính là Cung Pha Lê ở Hay Park (London) do Jozef Pekston thiết kế năm 1851. Cung Pha Lê được xây làm triển lãm công nghiệp thế giới năm 1851. Tổng diện tích của Cung là 71885m^2, chiều dài mặt tiền 564m, cao gần 20m. Tác giả với kinh nghiệm xây dựng các nhà kính đã đưa vào tác phẩm của mình 2 vật liệu là kim loại và kính. Cho dù thời kỳ này, kiến trúc khung kim loại lắp kính đã rất phổ biến và được áp dụng khá thành công trong thực tiễn xây dựng, song lắp kính toàn bộ mặt tiền của tòa nhà đồ sộ này thì đây là lần đầu tiên. Phương pháp này đi trước thời đại hàng chục năm, mở ra một trang mới không chỉ đối với ngành xây dựng mà cả kiến trúc. Cung Pha Lê trở thành biểu tượng của cuộc cách mạng công nghiệp trong thời kỳ đã xuất hiện nhiều vật liệu mới, công nghệ mới, và các nước đều cố gắng trưng ra những thành tựu của mình trong đó có thành tựu về xây dựng.

Cuộc cách mạng công nghiệp thế kỷ XIX đã đưa các kết cấu kim loại – tạo khung nhẹ và vững chắc - vào xây dựng, mở đầu cho những đột phá mới. Vật liệu lắp vào các khung kim loại cho hiệu quả tốt chính là kính. Kính cho phép thu nhận "ánh sáng bên trên", trở thành loại vật liệu xây dựng thời thượng.

Nửa cuối thế kỷ XIX ở nhiều nước rất nhiều tòa nhà có mái bằng kính được xây: các nhà ga, cửa hàng, các gian triển lãm, bảo tàng...Mái bằng kính là biểu tượng của các tòa nhà công cộng nửa cuối thế kỷ XIX.

Những tòa nhà có sân bên trong có vòm che bằng kính tựa mẫu nhà của người La Mã cổ đại – không có mái che, đó là khoảng không gian chung cho tất cả cư dân trong ngôi nhà đó làm việc và nghỉ ngơi. Trong khoảng sân rộng lớn của các toà nhà nửa cuối thế kỷ XIX, công năng làm việc và nghỉ ngơi vẫn được giữ nguyên, nhưng là sự nghỉ ngơi trong các tòa nhà công

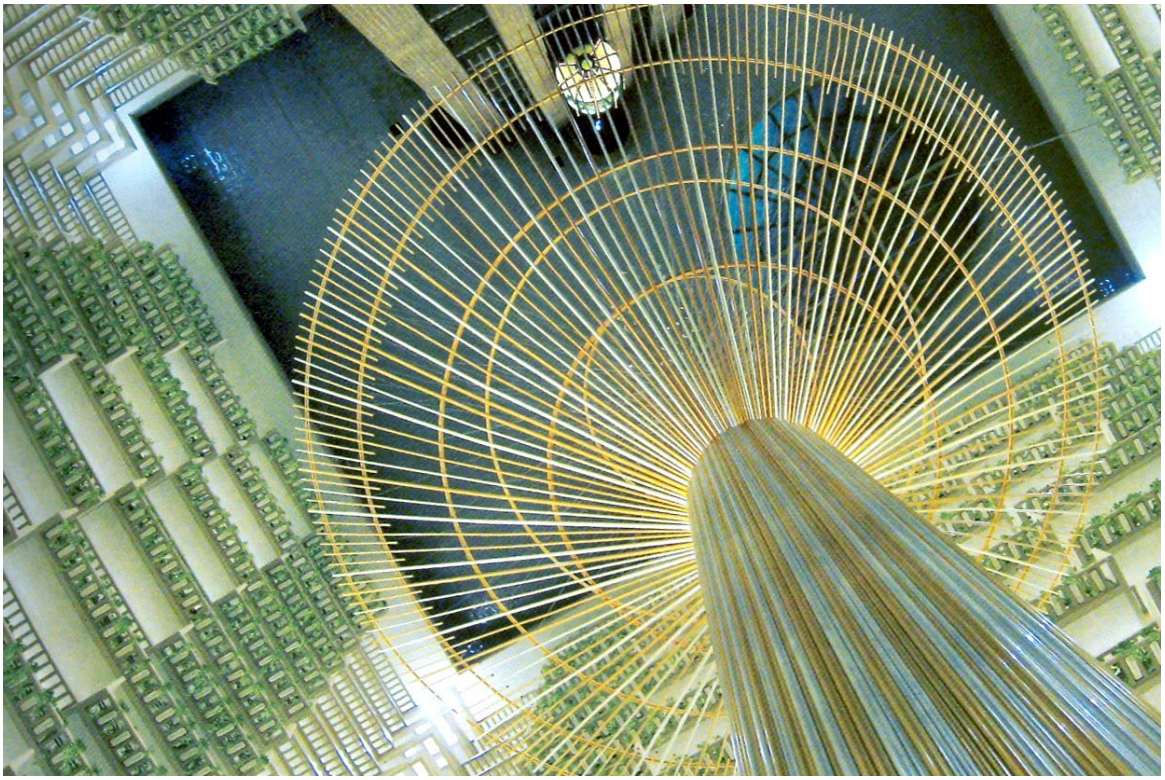

Mái vòm Khách sạn Hyatt Regency ở Atlanta năm 1967

cộng. Chúng chỉ khác biệt ở quy mô và được che chắn phía trên phòng khi mưa nắng.

Những ví dụ tiêu biểu về kiểu nhà này là các khách sạn. Trong các khách sạn cao cấp, tiền sảnh với ánh sáng từ trên cao đã xuất hiện; trong sảnh là nơi tiếp khách, nơi thư giãn và gặp gỡ công việc, các quầy bar, nhà hàng, quán cafe, cửa hiệu...Các phòng khách nằm xung quanh sảnh và được kết nối với nhau bằng một hành lang mở treo bên trên không gian sảnh. Nguyên tắc này được áp dụng trong xây dựng các toà nhà làm sở giao dịch. Chẳng hạn, Sở giao dịch London xây dựng năm 1847 có một sân tròn, mái vòm kính, xung quanh sân là các văn phòng.

Mái kính đôi khi được áp dụng thành công trong việc xây các hành lang đi bộ dọc theo một loạt cửa hàng cửa hiệu, tạo nên khu thương mại với ánh sáng bên trên. Một ví dụ là trung tâm thương mại GUM (Moskva) được xây từ 1883 – 1893 theo thiết kế của giáo sư A. Pomerantsev.

Ví dụ khác: tại Mỹ, khoảng cuối thế kỷ XIX , chính xác hơn là vào năm 1848, Jeims Bogard phát minh ra kiểu khung kim loại thay thế cho các vòm mái xây gạch, cho phép tăng bề mặt sử dụng kính. Tác giả đã đề xuất xây các cột sắt và vòm cuốn của mặt tiền theo trường phái Phục hưng.

Năm 1883 tại Chicago, Wiliam de Baron Jenny lần đầu tiên trong lịch sử đã thiết kế và xây dựng toà nhà 10 tầng với số ô kính tối đa thời kỳ đó. Kiến trúc mặt tiền bằng kính ra đời tại Mỹ, người ta gọi đó là kiến trúc Mỹ theo kiểu "phương tây", thay thế cho phong cách mái vòm châu Âu. Tại New York các quy chuẩn xây nhà cao tầng ra đời, là giải pháp hiệu quả cho quỹ đất đai bị thiếu hụt của thành phố.

Sự thay đổi đột ngột diễn ra vào thập kỷ 60 – 70 của thế kỷ trước. Thời kỳ này người ta bỗng hoài niệm về quá khứ, mất lòng tin đối với tiến bộ khoa học kỹ thuật trong các dự án lớn. Xuất hiện nhiều công trình nghiên cứu của các

chuyên gia chứng minh tính vượt trội của công trình xây dựng có tính "chu vi" so với công trình có tính "điểm", đòi hỏi khoảng không gian rộng giữa các toà nhà, dẫn đến sự hao tốn diện tích đất đai đồng thời cả sự tiêu tốn năng lượng. Kiểu nhà có sân mái vòm kính châu Âu dường như lại được đề cao, bởi nguồn sáng tự nhiên, giữ nhiệt tốt do vậy nhu cầu năng lượng thiên nhiên giảm bớt. Nhưng không phải là các toà nhà công cộng như hồi thế kỷ XIX quay trở lại hình thức này, mà là các cơ quan văn phòng. Một chi tiết mới không kém phần quan trọng trong không gian khoảng sân bên trong có vòm kính - đó là một khu vườn mùa đông lớn. Bằng cách này, các công trình sử dụng kính cho phép mang hơi thở thiên nhiên một cách tích cực vào nội thất của toà nhà, nhờ đó, bên trong tòa nhà một vùng tiểu khí hậu được thành lập.

Năm 1967 những công trình nổi tiếng như Hayatt Hotel (Atlanta) với khoảng sân được phủ xanh tuyệt đẹp bên trong đã được xây dựng. Cũng trong năm này, trụ sở quỹ Ford với khu vườn mùa đông cũng đã hoàn tất. Năm 1975 tại Chicago một trong những toà nhà cao nhất thế giới thời đó, với các băng kính dày đặc, đã mọc lên – tòa nhà Sears Tower cũng rất nổi tiếng, cao 443m với 110 tầng. Khung thép tạo nên một tấm lưới chắc chắn để lắp 16.000 ô cửa kính. Mặt tiền tòa nhà không khác gì một khối trụ bằng kính khổng lồ. Ý tưởng "khối trụ bằng kính" sau đó được phát triển rộng rãi hơn trong các công trình hiện đại. Ví dụ: trong đồ án thiết kế của Norman Foster. Theo thiết kế, công trình "Tháp Thiên niên kỷ" cao 400m, sức chứa một lúc 8 nghìn người, sẽ được xây tại London. Trong đó có các văn phòng, căn hộ để ở, nhà hàng, cửa hiệu, các khu vườn mùa đông...

Việc sử dụng kính một cách triệt để trong xây dựng theo cấu trúc tường bao quanh có những yêu cầu nghiêm ngặt. Một trong những yêu cầu quan trọng là giảm thiểu sự tỏa nhiệt. Phát minh ra loại kính giữ nhiệt có khả năng giữ đến 90% nhiệt lượng trong nhà, cho phép giải bài toán

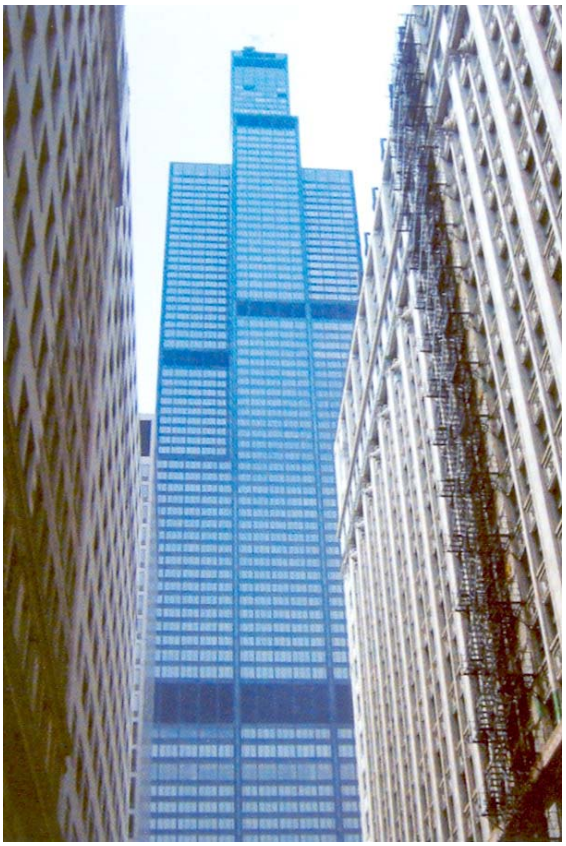

Tháp Willis ở Chicago năm 1974

trên thành công. Các tấm kính này có nhiều tính chất quan trọng khác: chúng là những tấm phin lọc ánh sáng mặt trời rất hiệu quả, giúp bảo vệ ngôi nhà khỏi quá nhiều tia cực tím, hiệu quả gấp 4 lần so với kính thông thường.

Kính, với việc sử dụng có chọn lọc trong các lĩnh vực quang phổ khác nhau, có sức bền vật lý học và hoá học rất lớn, trong đó phải kể đến độ vững chắc đối với các cú va đập, khả năng chịu lực gấp 3 lần so với bê tông, khả năng cách âm tốt và nhiều tính chất khác nữa.

Do vậy, kính là một trong những loại vật liệu xây dựng có triển vọng nhất. Kính dễ uốn ở nhiệt độ cao, cho phép thiết kế những chi tiết kiến trúc cầu kỳ phức tạp trong trang trí nội thất. Kính là loại vật liệu được sử dụng nhiều hơn cả trong kiến trúc hiện đại. Ở Moskva, kiến trúc kính có rất nhiều trong các tòa nhà công sở, và các chuyên gia đã xem giải pháp kiến trúc đó

như bước tiến để kiến trúc Nga tiệm cận với kiến trúc thế giới hiện đại. Ví dụ: toà nhà "UNICOM bank" ở Đaev (giải thưởng quốc gia Nga năm 1997). Các tác giả đã dũng cảm dùng kim loại và kính trong những hạng mục khó nhất để tạo nên vẻ rực rỡ cuốn hút cho toà nhà. Trong mặt phẳng vuông bị cắt chéo của toà nhà, một khối trụ với những mặt phẳng nghiêng bằng kính được "lắp" vào. Bề mặt kính tạo nên một khối duy nhất lấp lánh, tựa chùm pha lê. Không gian bên trong toà nhà bị cắt chéo tạo nên mái vòm cao bằng kim loại và kính cho ánh sáng đi qua.

Việc sử dụng nguyên tắc xây tòa nhà có không gian sân bên trong cao cho phép thiết kế khoảng không gian khép kín ở trong chỉ dành cho các đồng nghiệp và khách hàng của mình – đó là không gian "thân mật", nơi chỉ mở cửa "lên thiên đường". Trong công trình này, các quy tắc công nghệ cao (hi –tech) được kết nối với lịch sử xây dựng nhà ở của người La Mã cổ đại, với khoảng sân bên trong chỉ dành riêng cho "người nhà". Ngoài ra, sân trong nhà được bảo vệ rất nhiều khỏi khí thải và sự ô nhiễm đường phố nên sạch hơn nhiều trong quy hoạch sinh thái: không gian xanh tạo nên vùng tiểu khí hậu rất dễ chịu và môi trường tiện nghi cao dành cho nghỉ ngơi và giao tiếp.

Ngày nay, kính còn được sử dụng nhiều cả trong xây dựng các căn nhà riêng. Với các cấu trúc nhiều kính có những yêu cầu nghiêm ngặt. Điều này có liên quan tới việc ngăn hiệu ứng nhà kính, vốn xuất hiện trong các toà nhà có độ ẩm cao do cây cối mùa đông tạo ra. Ngoài ra, yêu cầu về tính bền vững, độ an toàn, khả năng chịu gió và tuyết tối đa. Sự ra đời của loại kính giữ nhiệt đã hỗ trợ cho việc giải quyết nhiệm vụ này.

Các xu hướng hiện đại

Trong thực tế kiến trúc – xây dựng trên thế giới, xu hướng gia tăng các công trình có sử dụng kính đã được ghi nhận. Khác với trước đây, kính chỉ được dùng để lắp các khung cửa sổ, thì ngày nay, kính đã thực hiện chức năng là vật liệu xây tường. Các đặc tính của kính còn góp phần tạo nên bộ mặt thẩm mỹ cho công trình. Do đó, với các kiến trúc sư, điều quan trọng không chỉ là khả năng trang trí của kính mà còn cả các tính chất khác, như màu sắc, độ tương phản, cấu tạo bề mặt...Liên quan tới các vấn đề này nhu cầu đối với yếu tố cấu tạo bằng kính cũng thay đổi. Tựu chung lại, kính thực tế đã khẳng định vai trò là loại vật liệu xây dựng không thể thay thế.

Tại Nga, kính xây dựng được áp dụng về cơ bản chỉ có 2 phương án: lắp vào các ô cửa sổ hoặc sử dụng trong các kiến trúc bằng kính. Nga chưa sản xuất được kính đáp ứng được nhu cầu của kiến trúc hiện đại trên thế giới. Hiện đại hoá nền công nghiệp kính trong nước, chinh phục các công nghệ hiện đại và kỹ thuật sản xuất kính, sản xuất kính trang trí và kính không màu có khả năng cạnh tranh trên thị trường sản phẩm kính thế giới đang là bài toán được đặt ra vô cùng cấp thiết đối với Nga.

Không có gì đáng ngạc nhiên, khi mà Hiệp hội Kiến trúc Nga năm 1999 đã có sáng kiến tổ chức triển lãm quốc tế thường niên " Thế giới kính" cùng với "Expo- centre" – Công ty triển lãm hàng đầu trong nước. Triển lãm thu hút các nhà sản xuất kính nổi tiếng trên thế giới với những sản phẩm từ kính được áp dụng kinh nghiệm lâu năm và công nghệ tiên tiến; là cơ hội để các nhà kiến trúc Nga và người sản xuất kính trong nước tiếp cận với các thành tựu của thế giới về lĩnh vực này; hơn thế, triển lãm tạo điều kiện chinh phục và ứng dụng kính đối với thực tiễn xây dựng – kiến trúc trong nước.

Kiến trúc hiện đại nhờ các công nghệ mới cho phép hiện thực hoá những phương án độc đáo về kiến trúc thiết kế, trong đó có việc sản xuất kính ốp mặt tiền các toà nhà. Trong kiến trúc các tòa nhà đô thị , không chỉ ở Moskva mà trên toàn liên bang xuất hiện nhiều công trình khiến người ta kinh ngạc bởi sự sáng tạo trong kiến trúc. Mặt tiền bằng kính, đặc biệt trong những năm gần đây, lan rộng khắp toàn cầu và thu hút sự quan tâm của nhiều kiến trúc sư có

tiếng. Nếu 10 -15 năm trước, Nga lạc hậu hơn châu Âu rất nhiều trong xây dựng các cấu trúc mặt tiền, thì ngày nay các chuyên gia Nga đã đuổi kịp đồng nghiệp nước ngoài của mình, nắm vững hệ thống thiết kế các mặt tiền và mái bằng kính sử dụng nguyên liệu và công nghệ nhập. Nhưng nước Nga là đất nước có một nền khoa học thực thụ, các nhà khoa học và các chuyên gia có khả năng tìm tòi và tìm ra những phương pháp thích hợp.

Kính tạo khả năng giải các bài toán khác nhau trong chuỗi các hạng mục kiến trúc cho các toà nhà có những công năng khác nhau, trong mọi điều kiện thời tiết. Ngày nay, các công trình kiến trúc bằng kính hiện đại có đầy đủ khả năng chống ồn, chống cháy, chịu lực tốt, chống nắng, tiết kiệm năng lượng và hợp vệ sinh (lau rửa dễ dàng) nữa. Nhiều toà nhà "kính bên trong"- cầu thang, vách ngăn, thang máy, bàn ghế...từ kính - đã được tiến hành xây dựng. Nga sản xuất kính hiện đại chất lượng cao, trong đó có kính bền. Loại kính này được ứng dụng trong xây dựng mọi ngôi nhà, có cả nhà cao tầng. Công ty Mosavtosteklo là một thí dụ – luyện kính dùng trong kiến trúc. Học viện kính Xaratov ngoài việc luyện và cắt kính còn nghiên cứu các công nghệ mới, sản xuất các sản phẩm nguyên chất. Với quy mô xây dựng hiện nay không thể, và cũng không cần thiết phải nhập khẩu toàn bộ kính.

Kính luôn là một trong những vật liệu xây dựng cơ bản, hiện nay còn là vật liệu thời thượng. Quan trọng là không mắc "hội chứng kính". Không nên để xảy ra tình trạng: sau thời gian "kìm hãm", khi mà các nhà kiến trúc thường xuyên bị phê phán vì sử đụng quá nhiều kính cho các mặt tiền, thì lại sử dụng kính tràn lan, cho cả nơi cần và nơi không cần. Nếu ngày nay người ta đã tạo ra những cấu trúc ngoài sự tưởng tượng từ kính thì đương nhiên trong tương lai kính sẽ còn được tạo thêm nhiều đặc tính như kim loại chẳng hạn, và tới khi đó triển vọng của kính còn tiến xa hơn nữa.

Kính thâm nhập rất nhanh vào nền xây dựng Nga, cũng như đã từng thâm nhập vào các thành phố châu Âu, đó là xu thế khách quan. Nhưng nhiệm vụ đề ra là phải tìm ra các phương pháp kỹ thuật đem lại khả năng sản xuất các kết cấu kính đáp ứng yêu cầu tiêu chuẩn xây dựng của Nga và tiêu chuẩn thế giới, với các điều kiện khí hậu đặc trưng của Nga./.

N.D.Glazkov

Nguồn: Tạp chí Kiến trúc và Xây dựng Nga- tháng 9/2010

ND: Nguyễn Thị Lệ Minh

Cuộc sống mới của các cơ sở sản xuất cũ

Hiện nay kinh nghiệm cải tạo các cơ sở sản xuất cũ cho công năng mới rất phong phú, cho phép có thể đưa ra những tổng kết nhất định và đề xuất nhiều hướng. Các cơ sở sản xuất cũ được cải tạo gồm 2 dạng: thứ nhất là các cơ sở sản xuất tạo ra nhiều giá trị công nghiệp nhưng có kiến trúc cổ, độc đáo, thứ hai là các cơ sở tạo ra ít giá trị sản xuất công nghiệp nhưng có không gian rộng, có thể sử dụng cho các công năng khác.

Có thể thấy, các cơ sở sản xuất được hình thành trước đây trên một trăm năm, đặc biệt là những cơ sở được công nhận là di tích, di sản kiến trúc đều có thể đáp ứng cho rất nhiều nhu cầu hiện nay: hầu hết các cơ sở này đều có không gian mở, rất thích hợp cho các công năng phi sản xuất mà không cần phải biến đổi đáng kể, và khi cần thiết có thể cải tạo thành kiến trúc hành lang hoặc đan xen với các phòng làm việc. Việc cải tạo những cơ sở sản xuất cũ được xây dựng từ cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX phát triển khá rộng rãi ngày nay, nhằm mục đích bố trí trong các xưởng này những công trình nhỏ - thường là văn phòng, trung tâm nghệ thuật, căn hộ với cách bài trí đặc biệt – mà vẫn bảo vệ tối đa tính sản xuất trong cả kiến trúc nội thất và

ngoại thât. Tức là, các công trình trước kia là xưởng cơ khí, nhà máy thủy điện, lò nấu bia, thậm chí các nhà ga, trường học... ngày nay không còn được sử dụng và bắt đầu một cuộc sống mới. Tại New York, vào đầu thế kỷ XX người ta đã vào ở trong các cơ sở sản xuất bị bỏ không. Trong thời kỳ đại suy thoái, có nhiều nhà máy đóng cửa, nhà kho bị bỏ trống. Để khai thác lợi ích nào đó từ những công trình không còn cần thiết này, các ông chủ bắt đầu cho thuê và bán hạ giá chúng. Vậy là xuất hiện việc biến đổi hình thức các cơ sở sản xuất cũ thành các "Loft" (thuật ngữ chỉ các phòng, các căn hộ được cải tạo từ công trình công nghiệp cũ). "Loft" có các đặc điểm: đơn giản trong bài trí, diện tích rộng, trần nhà cao, cửa sổ rộng cũng như thiết kế công nghiệp – bảo tồn hệ thống thông gió và một phần các dụng cụ sản xuất – và được phát triển rộng khắp châu Âu và Mỹ. "Loft" dịch từ tiếng Anh có nghĩa là "những căn hộ áp mái". Trong thập niên 50 -60 của thế kỷ XX, Loft được xem như một trào lưu thời thượng, được coi là phong cách kiến trúc độc đáo.

Đúc kết kinh nghiệm cải tạo các cơ sở sản xuất cũ, ta thấy rằng: các công xưởng cuối thế kỷ XIX- đầu thế kỷ XX , dù có nhiều thiếu sót về mặt công nghệ, đôi khi cả về nguồn lực xây dựng, song đã thu hút sự quan tâm của các kiến trúc sư nước ngoài suốt mấy thập kỷ, và của cả các kiến trúc sư trong nước trong vài thập kỷ gần đây, bởi ngoại thất không theo chuẩn mực nào, đồng thời nội thất cũng rất đặc biệt. Mặt tiền của các công xưởng cũ vốn có giá trị về mặt kiến trúc - văn hóa, cũng như các yếu tố riêng biệt của nội thất có nét độc đáo cuốn hút là đáng quý nhất đối với kiến trúc. Các yếu tố đó có thể là những cầu thang có tay vịn được đúc tinh xảo hoặc thậm chí cả những cỗ máy cũ. Trong khi đó hệ thống các cột nhà, trần nhà thấp, diện tích nhỏ của các tòa nhà không cho phép biến nơi đây thành các trung tâm thương mại, các khán phòng hay phòng tập thể thao lớn. Do đó, hạn chế sự tác động hai chiều giữa năng lực của các hình thức hiện có và nhu cầu mới nảy sinh liên quan tới không gian bên trong của các tòa nhà này. Những tòa nhà này rất thích hợp với các văn phòng nhỏ, trong đó có cả những gian triển lãm; với các trung tâm nghệ thuật khác nhau và các phòng tranh nhỏ; với các studio, các căn hộ Loft (chủ yếu ở nước ngoài) và với các trường dân lập nhỏ.

Trên cơ sở phân tích các bản thiết kế và các công trình xây dựng, những nguyên tắc biến đổi kiến trúc nội thất các công xưởng theo chức năng mới đã hình thành, dựa vào đó có thể đưa ra những bảo đảm cho thiết kế nội thất hiện đại trong quá trình cải tạo các công xưởng này theo chức năng mới.

Việc nghiên cứu thiết kế kiến trúc không gian bên trong các công xưởng cũ dựa trên nguyên tắc tận dụngở mức tối đa bản chất vốn có và bổ sung sửa chữa ở mức tối thiểu, tập trung vào mục đích bảo toàn kiến trúc cơ bản : kết cấu khung tòa nhà (hệ thống cột, cơ cấu mái che). Đối với các công xưởng có không gian rộng hơn thì tính nguyên bản được đặc biệt nhấn mạnh. Để làm được điều này người ta đã đề xuất : các văn phòng hay khu vực triển lãm trong các trung tâm nghệ thuật không cần vách ngăn bao toàn bộ chu vi ,và trong bất kỳ trường hợp nào thì vách ngăn cũng không nên cao tới trần nhà. Văn phòng trong phân xưởng của một nhà máy sản xuất pha lê cũ trên phố B. Dmitrov (Moskva), văn phòng công ty Art- Trading Contract trong khu nhà máy "Tơ lụa Nga" vùng Savinskaya cũng thuộc Moskva là những ví dụ tiêu biểu.

Cơ sở mộc cũ được cải tạo thành phòng phát thanh "Mưa bạc". Nội thất được hoàn thiện theo phong cách thiết kế công nghiệp. Quy mô không gian của toà nhà và các phương tiện sản xuất (các bộ phận máy móc, kết cấu mở của mái nhà, hộp thông gió) được giữ nguyên. Các vách ngăn không cao tới trần nhà nên người điều hành từ các phòng làm việc trên tầng lửng có thể bao quát công việc ở dưới.

Những nơi mà hoạt động bên trong đòi hỏi tính bảo mật (có các phòng dành cho các cuộc hội đàm và các cuộc họp) hoặc đòi hỏi sự tập trung cao và yên tĩnh (phòng học),thậm chí cả các nhà bếp hoàn toàn có thể bố trí trong các nhà xưởng. Ví dụ: văn phòng công ty quảng cáo Adell Saatchi & Saatchi trong một nhà máy cũ ở Vinhius. văn phòng của công ty quảng cáo trong khu nhà máy "Hoa hồng đỏ" ở Moskva – trong không gian rộng lớn có diện tích 1600m^2 vẫn bảo tồn được không gian độc đáo. Bên trong có những nhà nhỏ dưới dạng container được thiết kế từ những tấm xếp đành cho các cuộc hội đàm. Đối với các căn nhà như vậy đôi khi có thể ứng dụng nhiều kiểu thiết kế lạ, trong đó có cả phong cách "lố lăng". Ví dụ: nhà 2 tầng trong văn phòng nằm ở trung tâm ngôi nhà từng là kho hàng của nhà máy sản xuất đồ gỗ ở Kaliningrad, mang phong cách "ghế đẩu"- tầng trên bố trí phòng làm việc của giám đốc và kế toán, tầng dưới là phòng làm việc của nhân viên.

Ví dụ về phòng học xây trong một xưởng sản xuất có độ cao quá cỡ: giảng đường của một khoa thuộc trường đại học kỹ thuật thành phố Delf (Hà Lan), được dựng theo thiết kế của kiến trúc sư Mike Ekhaut.

Thiết kế các công trình như vậy cần thiết lập các điều kiện chuyển đổi trong tương lai. Các điều kiện đó là: bảo toàn tính nguyên vẹn không gian ban đầu, phân định không gian đó thành các mảng riêng biệt nhờ kết cấu dễ tháo lắp.

Việc nghiên cứu thiết kế kiến trúc không gian bên trong cần theo nguyên tắc tận dụng ở mức tối đa các yếu tố kiến trúc chủ đạo cũng như phụ trợ, đồng thời bổ sung sửa chữa ở mức tối thiểu. Có rất nhiều thiết kế bảo toàn không chỉ bộ khung ngôi nhà mà cả các máy móc bên trong, như một hình thức trang trí. Thông thường, các máy móc như vậy không nhiều, các nhà thiết kế cần biết lựa chọn. Đối với nội thất dạng "tiểu kiến trúc" có thể sử dụng thiết bị kỹ thuật cũ. Một số máy móc trong tình trạng vận hành được thì nên sử dụng đúng chức năng, nếu các thông số của chúng phù hợp với công năng mới. Ví dụ: hộp thông gió và hệ thống sưởi . (Khi cải tạo gian nồi hơi của nhà máy thuốc lá cũ ở Tallin thành các văn phòng, để sưởi ấm người ta đã sử dụng một cỗ máy trong gian đó. Tại khách sạn toạ lạc trong toà nhà từng là xưởng chế biến chè gần thành phố Sant Eli (Sri Lanca), máy sấy chè được sử dụng làm thiết bị sưởi ấm). Còn nhiều ví dụ khác chứng minh việc gìn giữ các trang thiết bị là một trong những nhiệm vụ quan trọng của thiết kế, xuất phát không phải từ công năng mới mà chính là từ điều kiện bảo tồn các di tích văn hoá. Nhà hàng - hộp đêm "Wasserwerk" (Berlin) nằm trong một trạm lọc nước cũ được xây từ năm 1903. Diện tích lớn của trạm nước cộng thêm công sức không ít của tổ chức bảo vệ các di tích kiến trúc Berlin trong việc nghiên cứu sắp xếp, nên gần như toàn bộ các máy móc trang bị cũ được giữ nguyên ở vị trí ban đầu. Một ví dụ khác là việc thiết kế cải tạo xí nghiệp khai thác than ở Exen và khu vực lân cận (đã được UNESCO công nhận là di sản thế giới) thành khu triển lãm do văn phòng kiến trúc Rem Koolkhaas thực hiện, nhiệm vụ của các nhà thiết kế là tối đa hoá sự bảo toàn nguyên vẹn công trình.

Ví dụ về việc cải tạo các nhà máy cũ thành các căn hộ để ở trên thực tế là rất ít. Thứ nhất, bởi vì chưa có quy hoạch rõ ràng cụ thể các công xưởng trong hàng loạt công trình xây dựng của các đô thị. Thứ hai, do trình độ khai thác còn thấp, các nhà máy bỏ hoang đòi hỏi chi phí đáng kể để tái thiết. Tuy nhiên, từ kinh nghiệm thiết kế nhà ở theo phong cách "loft" trên thế giới, các nhà thiết kế có thể đưa ra những dạng nội thất phù hợp. Đặc điểm của căn hộ Loft trước hết là không gian rộng không bị chia cắt bởi các vách ngăn, trần nhà cao, cửa sổ lắp kính, kết cấu trần mở, có thành phần kim loại, kính, plastic trong trang trí nội thất. Các chi tiết liên quan đến chức năng trước kia của toà nhà còn lưu lại như hộp thông gió không bị trần nhà che mất, gạch thô,

sườn mái nhà hay các xà ngang... tạo nên nét độc đáo cho căn hộ. Quan trọng là phải giữ trong nội thất các chi tiết còn lại về lịch sử toà nhà: các cột và cầu thang bằng gang, một cỗ máy nào đó. Loft cổ điển không cần phân ra và ngăn lại - không gian bên trong cần phải là một khối thống nhất. Tất cả các Loft không đòi hỏi chiếu sáng tự nhiên được bố trí ở quanh lối vào, bếp được xây theo kiểu hốc nhỏ trong tường và được tách khỏi không gian chung bằng một quầy bar... hoặc có thể có những phương án khác.

Khoảng không gian tự do có thể trang trí bằng các mảng màu, đồ gỗ và trang thiết bị khác, để có khả năng thể hiện tối đa nét sinh hoạt của gia chủ. Loft được áp dụng không chỉ để tạo nên không gian sinh sống mà còn tạo nên một không gian pha trộn: căn hộ - văn phòng hay căn hộ - cửa hiệu... Bề mặt rộng của các bức tường dày đặc là diện tích lý tưởng để trưng bày dành cho các hoạ sỹ hoặc chủ phòng tranh.

"Loft" đòi hỏi sự thay đổi thường xuyên các chi tiết và cách bài trí phù hợp với thị hiếu của chủ nhà. Không gian lớn nên không thể sắp xếp đồ gỗ dọc theo tường và góc nhà như vẫn thường thấy trong các căn hộ thông thường. Có thể nhấn mạnh vào không gian trung tâm. Để làm điều này, giữa phòng có thể đặt lò sưởi, đi văng với các bàn nhỏ hay thậm chí cả gian bếp.

Đúc kết kinh nghiệm cải tạo các nhà máy sản xuất cũ, chúng ta thấy có một số vấn đề đặc thù nảy sinh trong quá trình thiết kế như sau:

- Diện tích không gian lớn, trải rộng quá mức;

- Trần nhà quá cao;

- Xây dựng các khu làm việc và khu nghỉ ngơi tại chỗ – tức là vấn đề phân loại và tổ chức tại chỗ;

Để giảm bớt cảm giác rộng quá mức bên trong các công xưởng cũ, cần tránh thiết kế nội thất theo các đường thẳng mà nên thay bằng các đoạn ngắn; áp dụng các vách ngăn trong suốt, và sắp xếp hoặc treo chúng theo chiều ngang cách quãng; sắp xếp bàn ghế và các vật dụng khác một cách tự do, chứ không thẳng hàng cứng nhắc.

Các biện pháp khắc phục chiều cao quá mức của các tòa nhà:

- Xây gác lửng, trên đó bố trí các phòng họp và văn phòng quản lý cho phép bao quát công việc từ trên cao. (Phương án xây gác lửng độc đáo trong hộp đêm "Bionic" ở Perm là một ví dụ. Các tác giả của đồ án thiết kế quyết định xây một câu lạc bộ 2 tầng mà vẫn giữ nguyên tính thống nhất của không gian. Do đó, gác lửng được xây cách điệu dựa trên những cây cột thanh mảnh). Trong thiết kế nội thât, các hộp thông gió mở hình trụ được sử dụng triệt để.

- Đặt các căn phòng kiểu container (các phòng học, hội trường) ở khu vực trung tâm xưởng , không gian rộng lớn sẽ bị lấp đầy. Để biến nhà máy rượu trước kia thành khoa kiến trúc ĐHTH Đelf (Hà Lan), người ta đã xây trong đó một hội trường làm giảng đường, và cả xưởng thiết kế.

- Bố trí các phòng làm việc trong các container có mái, và dễ di chuyển khi cần thiết.

- Áp dụng các kiến trúc chức năng hoặc kiến trúc trang trí lớn. Ví dụ: phần thiết kế trung tâm giải trí ở Xamara, gồm cả sân trượt băng, 2 sàn chơi bowling, quán cafe, quầy bar, nhà hàng, với việc áp dụng các kiến trúc trang trí khác nhau, đã tạo cảm giác là không gian các phân xưởng của nhà máy sản xuất thiết bị phim ảnh trước kia không quá cao nữa.

Việc bảo tồn kết cấu cho hệ thống giao thông treo cũng quan trọng. Để trần các cáp treo theo nguyên tắc: cái gì khó dấu, cứ để hở - bố trí hở các mạng lưới kỹ thuật mới. Phương pháp này trong thực tiễn thiết kế được gọi là "công nghệ cao (hi –tech) tiên phong".

Việc thành lập các điều kiện chuyển đổi trong tương lai vô cùng hữu ích. Các điều kiện đó là: Bảo toàn tính nguyên vẹn không gian ban đầu, phân định không gian đó thành các khu vực và buồng riêng biệt nhờ vào các vật liệu có cấu trúc dễ tháo lắp. Áp dụng các kiến trúc hiện

đại cũng như các vật liệu xây dựng có hiệu quả cao, trong đó có những tấm ngăn dạng mô đun có thể di chuyển, đảm bảo khả năng lập các phương án quy hoạch cụ thể để có thể cải thiện không gian ở mức tối đa trong quá trình khai thác cũng như lên kế hoạch tiếp cho lần tái thiết về sau.

Kết luận:

- Các quy trình công nghệ sản xuất của các công xưởng cũ (xây từ nửa cuối thế kỷ XX) thay đổi theo từng thời kỳ, được coi là tiềm năng về cách sắp xếp hình khối và tiềm năng kiến trúc. Có thể coi tiềm năng này là sự bảo đảm cho việc bố trí các quy trình công nghệ khác nhau với mục đích phi sản xuất trong các công xưởng cũ.

- Tiềm năng công năng của các công xưởng cũ, cũng như tiềm năng về cách bố trí hình khối của chúng bảo đảm không chỉ công năng ban đầu mà cả các công năng khác nũa có thể được thực hiện trong từng đơn vị kiến trúc này. Điều này được khẳng định bởi đặc tính của các đơn vị kiến trúc cơ bản của các xưởng sản xuất, cụ thể là: kích thước các tòa nhà trong quy hoạch và diện tích của chúng, hệ thống cột, chiều cao ngôi nhà.

- Vì thế, trong giai đoạn thiết kế cải tạo, cần tiến hành khảo cứu các công xưởng này một cách toàn diện, với việc đánh giá - thứ nhất - tiềm lực về cách sắp xếp hình khối các đơn vị kiến trúc cơ bản (kích thước, diện tích, hệ thống cột, các tầng, chiều cao từng tầng); mức độ chịu lửa cũng như nguy cơ hoả hoạn của cả toà nhà - việc bố trí các phòng ốc trong đó tuỳ thuộc nhiều vào điều này; thứ hai - tiềm lực kiến thiết của tòa nhà nói chung (hiện trạng xây dựng cơ bản, các khả năng không thuộc về bản chất). Ngoài ra, cần có đánh giá tiềm năng của các yếu tố khác cũng cùng chức năng cơ bản (cầu thang dự phòng và các lối ra, đường răm vận chuyển- chuyên chở, các thiết bị cẩu và nhiều kiến trúc khác của hệ thống giao thông treo, các giá cao để chất hàng cũng như các hệ thống kỹ thuật có thể sử dụng khi cải tạo tòa nhà.

- Trong quá trình cải tạo, cần thiết lập các điều kiện chuyển đổi trong tương lai, trong đó có cả việc trả lại công năng trước kia – sản xuất công nghiệp – cho các cơ sở này. Các điều kiện đó là : giữ gìn tính toàn vẹn của không gian ban đầu, chia ra thành các phòng, các khu vực riêng biệt nhờ các cấu trúc dễ tháo dỡ; bảo toàn cơ cấu giao thông treo trong đó có cả cần cẩu./.

K.V. Buzunov

Nguồn: Tạp chí Kiến trúc và Xây dựng Nga, tháng 11/2010

ND: Lệ Minh

Bộ trưởng Bộ Xây dựng Nguyễn Hồng Quân tiếp và hội đàm với Thủ hiến bang Sachsen, CHLB Đức

Ngày 28/3/2011 tại Hà Nội, Bộ trưởng Bộ Xây dựng Nguyễn Hồng Quân đã có buổi tiếp thân mật và hội đàm với Ngài Stanislaw Tillich - Thủ hiến Bang Sachsen của CHLB Đức.

Thay mặt Bộ Xây dựng, Bộ trưởng Nguyễn Hồng Quân đã nhiệt liệt chào mừng Ngài Thủ hiến cùng các thành viên trong đoàn công tác của CHLB Đức đã đến thăm Bộ Xây dựng Việt Nam, bày tỏ sự tin tưởng chuyến thăm Việt Nam lần này của Ngài Thủ hiến và các thành viên trong đoàn sẽ góp phần thắt chặt và tăng cường mối quan hệ hợp tác giữa hai nước.

Thay mặt đoàn công tác, Ngài Stanislaw Tillich cám ơn sự đón tiếp nồng nhiệt của Bộ Xây dựng và giới thiệu các thành viên trong đoàn gồm hơn 50 người, trong đó có 25 người đại diện các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực tư vấn thiết kế quy hoạch, môi trường, hạ tầng kỹ thuật đô thị và các nhà khoa học trong lĩnh vực nước và môi trường.

Tại buổi tiếp và hội đàm, Bộ trưởng Nguyễn Hồng Quân và Ngài Stanislaw Tillich đã trao đổi về những cơ hội và tiềm năng hợp tác giữa Bộ Xây dựng và Bang Sachsen trong các lĩnh vực cấp nước, thoát nước, tiết kiệm năng lượng, xây dựng tiêu chuẩn, quy chuẩn, khoa học và công nghệ, quy hoạch đô thị đối phó với biến đổi khí hậu, đào tạo cán bộ, đào tạo nghề...

Theo Bộ trưởng Nguyễn Hồng Quân, CHLB Đức có nhiều thế mạnh về KHCN và Chính phủ Đức cũng giành sự quan tâm đến các dự án phát triển ở nhiều quốc gia và có sự hỗ trợ thích hợp. Thời gian vừa qua, một số đơn vị thuộc Bộ Xây dựng đã có sự hợp tác với các doanh nghiệp của CHLB Đức, trong đó có những đơn vị thuộc bang Sachsen. Một đơn vị tư vấn của Đức cũng trúng thầu thiết kế 4 công trình lớn ở Việt Nam và đã đưa các yếu tố thiết kế môi trường, tiết kiệm năng lượng vào các dự án của

Toàn cảnh buổi Hội đàm

mình, đó là công trình Trung tâm Hội nghị quốc gia, trụ sở Bộ Công An, Bảo tàng Hà Nội, Nhà Quốc hội của Việt Nam. Các ý tưởng khai thác năng lượng địa nhiệt, năng lượng mặt trời đã mà nhà tư vấn của CHLB Đức đưa ra đã được áp dụng cho các công trình này và có sự hỗ trợ từ phía Chính phủ CHLB Đức.

Việt Nam có 750 đô thị, dân số 85 triệu người và mới đang ở thời kỳ đầu phát triển nên tiềm năng hợp tác đầu tư giữa hai bên là rất lớn. Riêng về vấn đề xử lý nước thải, rác thải ở các đô thị của Việt Nam hầu như chưa có, cung cấp nước sạch cho người dân mới chỉ dừng ở tăng công suất nước thô còn đảm bảo nước sạch theo tiêu chuẩn vệ sinh thì chưa đủ. Thị trường bất động sản và phát triển nhà ở tại các đô thị của Việt Nam đang giữ được nhịp độ tăng trưởng cao, tuy nhiên về công nghệ và chất lượng vẫn chưa đạt được kỳ vọng... Chính vì thế, Bộ Xây dựng mong muốn có sự tiếp cận với các tổ chức, cá nhân, các quốc gia có trình độ KHCN tiên tiến hơn.

Theo Ngài Stanislaw Tillich: "20 năm trước, Bang Sachsen cũng trải qua quá trình chuyển đổi nền kinh tế. Bên cạnh những thành công cũng có những sai lầm và chúng tôi đã rút ra được những kinh nghiệm. Qua đó chúng tôi có

thể giúp Việt Nam tránh vấp phải những sai lầm mà nước Đức gặp phải trong quá trình chuyển đổi nền kinh tế Đông Đức sau khi nước Đức thống nhất"

Hai bên đã nhất trí sẽ tăng cường mối quan hệ hợp tác để tạo tiền đề cho sự hợp tác giữa các doanh nghiệp của Bang Sachsen, của CHLB Đức với các đơn vị của Bộ Xây dựng và Việt Nam.

Bang Sachsen là một bang nhỏ nhưng rất phát triển ở CHLB Đức có dân số 4 triệu người và GDP năm 2010 khoảng 92 tỷ Euro.

Minh Tuấn

Khai mạc Triển lãm quốc tế Vietbuild Hà Nội 2011 - Xây dựng, vật liệu xây dựng, bất động sản và trang trí nội ngoại thất

Triển lãm quốc tế Vietbuild Hà Nội 2011 về xây dựng, vật liệu xây dựng, bất động sản và trang trí nội ngoại thất do Trung tâm Thông tin Bộ Xây dựng và Công ty Cổ phần Triển lãm Quốc tế AFC Thành phố Hồ Chí Minh phối hợp tổ chức, dưới sự chỉ đạo và bảo trợ của Bộ Xây dựng và UBND thành phố Hà Nội đã chính thức khai mạc sáng ngày 23/3/2011 tại Trung tâm Hội chợ Triển lãm Việt Nam, Hà Nội. Phó Thủ tướng Chính phủ Hoàng Trung Hải đã đến dự và phát biểu chào mừng.

Đến dự Lễ khai mạc Vietbuild Hà Nội 2011 còn có các đồng chí: Nguyễn Hồng Quân - Bộ trưởng Bộ Xây dựng, Nguyễn Trần Nam - Thứ trưởng Bộ Xây dựng, Phí Thái Bình - Phó Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội, đại diện lãnh đạo các Bộ, ngành Trung ương, các địa phương, khách quốc tế, lãnh đạo các Hội, Hiệp hội chuyên ngành, các doanh nghiệp và đông đảo nhân dân Hà Nội.

Thay mặt Ban Chỉ đạo tổ chức Triển lãm Vietbuild Hà Nội 2011, Thứ trưởng Bộ Xây dựng Nguyễn Trần Nam đã đọc Diễn văn khai mạc. Diễn văn nêu rõ, Triển lãm Vietbuild là triển lãm có quy mô lớn, mang tầm vóc quốc gia và quốc tế, đóng góp rất tốt cho hoạt động xúc tiến thương mại, hợp tác đầu tư và phát triển của ngành Xây dựng. Triển lãm Vietbuild Hà Nội 2011 đã thu hút được sự quan tâm và tham gia đông đảo các doanh nghiệp, tập đoàn kinh tế

Phó Thủ tướng Chính phủ Hoàng Trung Hải phát biểu tại Lễ Khai mạc Vietbuild Hà Nội 2011

đến từ 18 quốc gia và vùng lãnh thổ, trong đó có nhiều quốc gia có nền công nghiệp xây dựng tiên tiến như Pháp, Ý, Mỹ, Đức, Nhật Bản, Anh, Tây Ban Nha ...Từ đó cho thấy, Triển lãm Vietbuild thật sự là một sân chơi bổ ích cho các nhà doanh nghiệp, kiến trúc sư, các nhà thầu xây dựng, các tổ chức, hiệp hội về xây dựng và bất động sản. Vietbuild đã phản ánh được sự phát triển mạnh mẽ của ngành Xây dựng tại Việt Nam. Đến với triển lãm, khách tham quan có thể tìm thấy các nhà tư vấn thiết kế kiến trúc - xây dựng, các dự án bất động sản, các loại vật liệu xây dựng mới, công nghệ kỹ thuật xây dựng tiên tiến và những vật dụng cần thiết cho một công trình xây dựng hoặc ngôi nhà của mình.

Thay mặt lãnh đạo Bộ Xây dựng, Thứ trưởng Nguyễn Trần Nam đã nhiệt liệt biểu dương các đơn vị và cá nhân trong nước và quốc tế tham

gia đóng góp cho sự thành công của Triển lãm Vietbuild Hà Nội 2011 nói riêng và sự phát triển chung của ngành Xây dựng Việt Nam.

Phát biểu tại Lễ khai mạc Triển lãm Vietbuild Hà Nội 2011, Phó Thủ tướng Hoàng Trung Hải đánh giá cao sự phối hợp của Bộ Xây dựng và UBND thành phố Hà Nội trong việc chỉ đạo tổ chức Triển lãm, nhiệt liệt biểu dương các doanh nghiệp tham gia Triển lãm và bày tỏ hy vọng, Triển lãm quốc tế Vietbuild Hà Nội 2011 tạo cơ hội cho các doanh nghiệp giao lưu kinh nghiệm quản lý, công nghệ và giải pháp mới trong xây dựng, đáp ứng mục tiêu về phát triển kinh tế xã hội.

Cũng trong buổi khai mạc, Ban tổ chức đã trao Huy chương và Cúp vàng cho 63 đơn vị xuất sắc đoạt giải thưởng VtopBuild 2011 về chất lượng sản phẩm và gian hàng đẹp.

Triển lãm Vietbuild 2011 Hà Nội diễn ra từ ngày 23/3 đến ngày 27/3/2011 có sự tham gia của 1.350 gian hàng của gần 500 đơn vị, trong đó có 137 doanh nghiệp liên doanh, 106 doanh

Các đại biểu dự Lễ khai mạc Vietbuild Hà Nội 2011

nghiệp nước ngoài. Các sản phẩm trưng bày tại triển lãm có mẫu mã, tính năng và chất lượng được nâng cao trong các nhóm hàng vật liệu xây dựng, trang trí nội thất, thiết bị điện, công nghệ, máy móc, phụ kiện xây dựng. Triển lãm Vietbuild Hà Nội 2011 còn là sự kiện mở đầu cho chuỗi sự kiện Triển lãm Vietbuild sẽ được tổ chức tại Đà Nẵng, Tp. Hồ Chí Minh và Cần Thơ trong năm nay.

Minh Tuấn

Công ty cổ phần sứ Viglacera Thanh Trì - 50 năm xây dựng và trưởng thành

Ngày 22/3/2011 tại Hà Nội, Công ty cổ phần sứ Viglacera Thanh Trì long trọng tổ chức Lễ Kỷ niệm 50 năm ngày thành lập (22/3/1961-22/3/2011). Tới dự và chung vui với cán bộ, công nhân viên Công ty có nguyên Bộ trưởng Bộ Xây dựng Nguyễn Mạnh Kiểm; nguyên Thứ trưởng Bộ Xây dựng Trần Văn Huynh – Chủ tịch Hội Vật liệu xây dựng Việt Nam; Thứ trưởng Bộ Xây dựng Nguyễn Trần Nam; Tổng Giám đốc TCty Viglacera Nguyễn Anh Tuấn; các cán bộ nguyên là lãnh đạo TCty Viglacera, Công ty cổ phần sứ Viglacera Thanh Trì; lãnh đạo các đơn vị thành viên của Tập đoàn Phát triển nhà và đô thị, TCty Viglacera; lãnh đạo Quận uỷ, UBND Quận Hoàng Mai, Phường Thanh Trì; đại diện các ngân hàng đối tác; các nhà phân phối... và toàn thể cán bộ công nhân viên của Công ty cổ

Thứ trưởng Bộ Xây dựng Nguyễn Trần Nam phát biểu tại buổi Lễ

phần Viglacera Thanh Trì. Thay mặt lãnh đạo Công ty cổ phần sứ Viglacera Thanh Trì, Tổng Giám đốc Ngô Trung Dũng đã đọc Diễn văn ôn lại truyền thống 50 năm xây dựng và trưởng thành của Công ty.

Ngày 22/3/1961, Bộ Kiến trúc ban hành Quyết định thành lập xưởng Gạch Thanh Trì - tiền thân của Công ty cổ phần sứ Viglacera Thanh Trì ngày nay, với khoảng 100 cán bộ, công nhân viên. Ngay sau khi ra đời, vừa nghiên cứu sản xuất, vừa đầu tư nhà xưởng, máy móc, thiết bị, xưởng Gạch Thanh Trì đã nhanh chóng trở thành một đơn vị cung cấp gạch chịu lửa cấp thấp, gạch xây, gạch lát, ống sành có uy tín ở miền Bắc. Năm 1962, sản phẩm gạch khối tráng men của Thanh Trì đã vinh dự được sử dụng để trang trí cho công trình Hội trường Ba Đình – một công trình có yêu cầu chuẩn mực và tiêu biểu ngày ấy. Trên đà phát triển, đến tháng 7/1964, xưởng Gạch Thanh Trì đã được nâng cấp thành Xí nghiệp Gạch Thanh Trì, bộ máy tổ chức của xí nghiệp được hình thành, được củng cố và đi vào hoạt động khá hiệu quả. Xí nghiệp đã tiếp nhận nhiều đoàn thực tập sinh được đào tạo ở nước ngoài về, là lực lượng công nhân và cán bộ kỹ thuật nòng cốt để thực hiện các thay đổi về công nghệ, kỹ thuật cho sản xuất các mặt hàng cao cấp như gạch men kính, sứ vệ sinh sau này. Các sản phẩm chủ lực của Xí nghiệp giai đoạn này bao gồm ống sành tráng men muối, gạch chịu axit, gạch men. Công nghệ sản xuất sứ vệ sinh đã bắt đầu được nghiên cứu và sản xuất thử nghiệm nhưng sản lượng, chất lượng và tỷ lệ thu hồi chưa được cao.

Sau năm 1975 đất nước hoàn toàn được giải phóng, để đáp ứng nhu cầu kiến thiết đất nước, Xí nghiệp Gạch Thanh Trì được đổi tên thành Nhà máy Sành sứ xây dựng Thanh Trì, với nhiệm vụ nghiên cứu, sản xuất chủ yếu là gạch men kính và sứ vệ sinh. Với điều kiện công nghệ lúc đó, sản phẩm gạch men kính chủ yếu là kích thước nhỏ 110x110mm, sứ vệ sinh mới chỉ là các xí xổm, chậu rửa kiểu treo đơn giản và chất lượng thấp. Nhà máy đã thiết kế và đưa vào vận hành thành công lò tuy nen bức xạ nhiệt để nung gạch men và sứ vệ sinh, tuy nhỏ nhưng là tiền đề để xây dựng các lò nung tuy

Các đại biểu dự Lễ Kỷ niệm 50 năm Sứ Thanh Trì

nen sau này. Trong giai đoạn chuyển đổi cơ chế quản lý, cũng như nhiều doanh nghiệp nhà nước khác, Nhà máy Sành sứ Thanh Trì cũng trải qua những khó khăn tưởng chừng như không thể vượt qua nổi, từng bước tháo gỡ, mở ra hướng đi mới. Năm 1993, trong điều kiện hết sức khó khăn, Nhà máy đã mạnh dạn xây dựng dự án đầu tư dây chuyền sản xuất sứ vệ sinh cao cấp với công nghệ và thiết bị tiên tiến của Italy công suất 75.000 sản phẩm/năm. Bằng nỗ lực hết mình của mỗi cán bộ, công nhân viên, sự năng động và quyết tâm của lãnh đạo, dây chuyền sản xuất sứ vệ sinh cao cấp đầu tiên tại Việt Nam đã đi vào hoạt động, cho ra lò những sản phẩm sứ vệ sinh cao cấp đạt tiêu chuẩn châu Âu. Cũng từ đây, Nhà máy được đổi tên thành Công ty sứ Thanh Trì.

Sau 3 năm hoạt động đạt và vượt công suất thiết kế, trước nhu cầu của thị trường, năm 1996 Công ty tiếp tục đầu tư dây chuyền 2 với lò nung tuy nen công suất 400.000 sản phẩm/năm. Với kinh nghiệm, công nghệ đã tích luỹ được, dây chuyền 2 đã đi vào sản xuất ổn định ngày từ khi mới vận hành, đưa Công ty trở thành đơn vị sản xuất, kinh doanh sứ vệ sinh hàng đầu trong nước. Sản phẩm của Công ty cũng được xuất khẩu ra nước ngoài, tới cả các nước có ngành công nghiệp sản xuất sứ phát triển như Nhật Bản, Italy... Trên cơ sở thành công của Sứ Thanh Trì, các nhà máy sản xuất sứ vệ sinh khác của TCty Viglacera như sứ Việt Trì, sứ Bình Dương cũng lần lượt ra đời, góp

phần đưa sản phẩm sứ vệ sinh Viglacera trở thành một trong những sản phẩm trọng tâm của TCty Viglacera, góp phần xây dựng Viglacera thành nhà sản xuất và phân phối VLXD hàng đầu trong cả nước.

Sau khi cổ phần hoá năm 2008, Công ty cổ phần sứ Viglacera Thanh Trì đã có những bước phát triển mạnh mẽ và vững chắc, bộ máy quản lý được tổ chức gọn nhẹ, hiệu quả, áp dụng nhiều thành tựu công nghệ mới vào sản xuất, chú trọng công tác thiết kế mẫu mã ... đã nâng cao được chất lượng và giá trị gia tăng của sản phẩm. So với doanh thu năm 2009 đạt 93 tỷ đồng, năm 2010, doanh thu của Công ty là 126 tỷ và kế hoạch năm 2011 là 177 tỷ đồng, lợi nhuận từ sản xuất kinh doanh cũng tăng trưởng mạnh qua từng năm, người lao động được bảo đảm việc làm và thu nhập cũng được nâng cao, với mức bình quân năm 2010 là 4,5 triệu đồng/người/tháng.

Nhân dịp kỷ niệm 50 năm ngày thành lập và ôn lại những dấu mốc trên chặng đường xây dựng và trưởng thành với nhiều thăng trầm, Tổng Giám đốc Sứ Thanh Trì Ngô Trung Dũng cũng bày tỏ cám ơn sự quan tâm chỉ đạo và ủng hộ của lãnh đạo Bộ Xây dựng, TCty Viglacera, các cơ quan, ban ngành, sự hợp tác và hỗ trợ của các ngân hàng, các đối tác của Cty, đặc biệt cám ơn các thế hệ lãnh đạo, cán bộ, công nhân viên Cty cổ phần Sứ Thanh Trì đã cống hiến sức lực, trí tuệ và cả xương máu để xây dựng Cty phát triển như ngày hôm nay.

Phát biểu tại buổi Lễ, Thứ trưởng Bộ Xây dựng Nguyễn Trần Nam - người đã có thời gian 8 năm làm việc tại Công ty sứ Thanh Trì, trong đó có 3 năm ở cương vị Giám đốc - đã xúc động bày tỏ niềm vui được gặp gỡ các thế hệ lãnh đạo, cán bộ công nhân viên Cty cổ phần sứ Thanh Trì, ôn lại những kỷ niệm của một thời gắn bó với Công ty. Thứ trưởng Nguyễn Trần Nam cũng vui mừng trước sự phát triển của Cty về cơ sở vật chất, công nghệ, sản phẩm đa dạng có hàm lượng chất xám cao ... và mong rằng, Cty cổ phần sứ Thanh Trì tiếp tục phát huy truyền thống 50 năm, xây dựng đội ngũ cán bộ tâm huyết, công nhân tay nghề cao, tiếp tục đầu tư theo định hướng của TCty Viglacera và của Bộ Xây dựng để đưa Cty phát triển lên tầm cao mới trong giai đoạn 2011-2015.

Minh Tuấn

Tư vấn GMP báo cáo Bộ Xây dựng về phương án thiết kế nội thất công trình Nhà Quốc hội

Sáng ngày 17/3/2011, tại Bộ Xây dựng, Bộ trưởng Bộ Xây dựng Nguyễn Hồng Quân đã chủ trì cuộc họp nghe Tư vấn thiết kế GMP International GMbH-Inros Lackner AG báo cáo về phương án thiết kế nội thất công trình Nhà Quốc hội. Tham dự cuộc họp có Thứ trưởng Bộ Xây dựng Nguyễn Đình Toàn, Giám đốc Ban Quản lý dự án (QLDA) đầu tư xây dựng công trình Nhà Quốc hội và Hội trường Ba Đình (mới) Nguyễn Tiến Thành, đại diện các Vụ chức năng liên quan của Bộ Xây dựng, đại diện Tư vấn thiết kế GMP.

Bộ trưởng Nguyễn Hồng Quân chủ trì cuộc họp

Theo Báo cáo của Ban QLDA, sau lần báo cáo với Bộ Xây dựng tháng 7/2010 về các phương án thiết kế nội thất công trình Nhà Quốc hội, Ban QLDA dưới sự chỉ đạo của Thứ

trưởng Nguyễn Đình Toàn đã tổ chức nhiều cuộc họp lấy ý kiến chuyên gia. Tiếp thu ý kiến của các chuyên gia và các cơ quan liên quan, Tư vấn GMP đã tiến hành chỉnh sửa, bổ sung bản thiết kế, đi sâu hơn về chi tiết, nghiên cứu và áp dụng những hoa văn, họa tiết mang tính truyền thống, bản sắc dân tộc Việt Nam. Tại buổi họp này, Tư vấn GMP báo cáo Bộ trưởng về những nội dung đã tiếp thu ý kiến và chỉnh sửa, bổ sung vào thiết kế, bao gồm: thiết kế chi tiết vị trí đặt Quốc huy tại mặt trước của công trình, thiết kế trang trí sảnh chính, phòng họp chính, phòng tiệc, phòng tiếp khách quốc tế, phòng hội đàm, phòng họp của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, các cột, hành lang, ban công, bố trí chỗ ngồi của đại biểu và khách mời, giao thông trong công trình...

Sau khi nghe báo cáo của Ban QLDA, và chuyên gia của GMP, phát biểu của Thứ trưởng Nguyễn Đình Toàn và các Vụ liên quan, Bộ trưởng Nguyễn Hồng Quân đã phát biểu kết luận cuộc họp.

Bộ trưởng Nguyễn Hồng Quân đánh giá cao những cố gắng và hoan nghênh Tư vấn GMP đã nghiêm túc tiếp thu các ý kiến đóng góp của Bộ Xây dựng và các chuyên gia của Việt Nam để hoàn chỉnh bản thiết kế. Bộ trưởng cũng lưu ý các nhà thiết kế: Công trình Nhà Quốc hội có tính duy nhất, là trụ sở của cơ quan quyền lực cao nhất của Việt Nam, nên việc thiết kế công trình này là vinh dự đồng thời cũng là thách thức đối với người thiết kế. Để đạt được mục tiêu tạo ra một công trình đặc biệt, tạo được dấu ấn và được phần đông mọi người đồng thuận, đồng tình ... cần sự nỗ lực hết sức của Tư vấn thiết kế GMP cộng với sự tranh thủ và phát huy vai trò của các tư vấn trong nước. Sau bản thiết kế Concept này, Tư vấn GMP cần tiếp tục nghiên cứu sâu hơn, kết hợp chặt chẽ với các đơn vị tư vấn thiết kế của Việt Nam để đưa ra các thiết kế chi tiết, sử dụng các vật liệu, họa tiết, màu sắc, các yếu tố phi công trình mang tính truyền thống của Việt Nam để tạo ra cho công trình Nhà Quốc hội có tính hiện đại, trang trọng, nhưng ấm áp, gần gũi với người dân Việt Nam.

Minh Tuấn

Chương trình xây dựng cụm, tuyến dân cư và nhà ở vùng ngập lũ đồng bằng sông Cửu Long (giai đoạn II) - sau hơn hai năm triển khai thực hiện

Xây dựng cụm, tuyến dân cư và nhà ở vùng ngập lũ đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) là một trong những Chương trình trọng điểm của Chính phủ trong chiến lược phát triển toàn diện kinh tế - xã hội vùng ĐBSCL. Kết quả đạt được trong giai đoạn I của Chương trình đã mang lại hiệu quả rõ rệt trong việc đảm bảo cho người dân trong vùng có cuộc sống an toàn, ổn định; những thiệt hại do lũ, lụt gây ra đã được hạn chế đến mức thấp nhất.

Phát huy hiệu quả của Chương trình, theo đề nghị của UBND các tỉnh vùng ngập lũ ĐBSCL và các Bộ, ngành liên quan, Thủ tướng Chính phủ đã cho phép đầu tư xây dựng bổ sung các dự án cụm, tuyến dân cư (giai đoạn II) để đảm bảo chỗ ở an toàn cho số hộ dân thuộc đối tượng chưa được bố trí hết trong giai đoạn I của Chương trình và số hộ dân trong khu vực sạt lở nguy hiểm vào ở.

Để thực hiện Chương trình giai đoạn II, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 1151/QĐ-TTg ngày 26/8/2008 phê duyệt bổ sung các dự án đầu tư (giai đoạn II) thuộc Chương trình xây dựng cụm, tuyến dân cư và nhà ở vùng ngập lũ ĐBSCL, quy định cơ chế, chính sách và trách nhiệm của các địa phương

và Bộ, ngành liên quan trong việc triển khai thực hiện Chương trình.

Sau hơn 2 năm thực hiện, về công tác tôn nền, đắp bờ bao, các địa phương đã hoàn thành công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng được 138/178 dự án, đạt 78%, khởi công tôn nền, đắp bờ bao được 138/178 dự án, đạt 78%, hoàn thành tôn nền, đắp bờ bao: 95/178 dự án, đạt 53,4%. Trong đó: Đồng Tháp hoàn thành: 19/46 dự án (41%), An Giang: 40/42 dự án (95%), Kiên Giang: 5/6 dự án (83%), Hậu Giang: 9/10 dự án (90%), Vĩnh Long: 6/20 dự án (30%), Tiền Giang: 16/46 dự án (35%). TP.Cần Thơ có 1 dự án sắp hoàn thành trên tổng số 8 dự án theo kế hoạch.

Về công tác xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật thiết yếu, hiện các địa phương mới bắt đầu giai đoạn triển khai xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật thiết yếu trong cụm, tuyến dân cư. Kết quả cụ thể: hoàn thành 11/128 dự án giao thông nội bộ, 16/114 dự án thoát nước thải, 8/129 dự án cấp nước sinh hoạt.

Công tác xây dựng nhà ở đã hoàn thành 1070/36.327 căn nhà (tỷ lệ 2,9%). Đã có 1070 hộ vào ở trong cụm, tuyến (Đồng Tháp: 503 hộ, An Giang: 567 hộ). Ngoài ra có 6.579 hộ dân sinh sống an toàn trong các bờ bao đã hoàn thành tại 2 tỉnh Tiền Giang (4.337 hộ) và Vĩnh Long (2.242 hộ). Như vậy, tổng số hộ dân đã vào ở trong cụm, tuyến và trong các bờ bao đã hoàn thành là 7.649/57.252 hộ, đạt 13,4% so với tổng số hộ của toàn Chương trình.

Trong số các tỉnh có dự án xây dựng bãi thu gom rác, mới có Kiên Giang triển khai xây dựng, tỉnh Kiên Giang đã hoàn thành 19/54 dự án, đạt 35%. Riêng công tác kè chống sạt lở các cụm, tuyến dân cư chưa có địa phương nào triển khai thực hiện.

Về kết quả huy động, bố trí vốn đầu tư thực hiện, vốn ngân sách Trung ương đã bố trí cho các địa phương 801 tỷ đồng trên tổng số vốn được phê duyệt là 1.383 tỷ đồng (Đồng Tháp: 266/484 tỷ đồng, An Giang: 243/383 tỷ đồng, Kiên Giang 53/49 tỷ đồng, Tiền Giang: 80/163 tỷ đồng, Vĩnh Long: 82/105 tỷ đồng, Hậu Giang: 77/118 tỷ đồng). Số còn lại chưa bố trí là 582 tỷ đồng (riêng tỉnh Kiên Giang cấp thừa vốn ngân sách là do giảm đối tượng sau khi rà soát lại).

Đến nay mới có 5 tỉnh/thành phố vay vốn từ Ngân hàng Phát triển Việt Nam để thực hiện. Tổng số đã vay là 379 tỷ đồng trên tổng số được phê duyệt là 1.006 tỷ đồng. Cụ thể từng tỉnh như sau: An Giang vay 203 tỷ đồng/315 tỷ đồng, Kiên Giang là 39/40 tỷ đồng, Vĩnh Long 38/61 tỷ đồng, Hậu Giang là 59/96 tỷ đồng và TP Cần Thơ là 40/75 tỷ đồng. Hai tỉnh chưa vay là Đồng Tháp và Tiền Giang.

Theo đánh giá của Ban Điều phối Chương trình xây dựng cụm, tuyến dân cư và nhà ở vùng ngập lũ ĐBS Cửu Long, công tác triển khai xây dựng các dự án đầu tư thuộc giai đoạn II của Chương trình đã được các cấp uỷ Đảng, Hội đồng Nhân dân và UBND các địa phương quan tâm chỉ đạo thực hiện. Nhờ vậy, thời gian qua mặc dù gặp nhiều khó khăn nhưng một số địa phương đã đạt được nhiều kết quả tốt.

Để có sự đồng thuận, ủng hộ rộng rãi trong nhân dân đối với Chương trình, các địa phương đã quan tâm làm tốt công tác tuyên truyền, phổ biến chính sách, vận động mọi người dân tham gia cùng chính quyền thực hiện Chương trình, nhất là trong việc bình xét đối tượng và thực hiện công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng. Đã có nhiều tỉnh thực hiện tốt công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng, do vậy đã sớm có mặt bằng để tiến hành khởi công xây dựng các dự án như An Giang, đồng Tháp, Hậu Giang.

Công tác lập thiết kế - dự toán cũng được các địa phương khẩn trương thực hiện phục vụ việc đấu thầu hoặc giao thầu thi công. Thiết kế tôn nền các cụm, tuyến đã đảm bảo theo hướng dẫn của các Bộ, ngành Trung ương đảm bảo vượt đỉnh lũ năm 2000 theo yêu cầu của Chương trình đồng thời đảm bảo hợp lý tỷ lệ phần diện tích để xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội và diện tích để xây dựng nhà ở. Thiết kế phân lô đảm bảo đủ

diện tích cần thiết tối thiểu cho mỗi hộ gia đình, đồng thời đảm bảo giá thành lô nền phù hợp so với mức các hộ dân được vay để mua trả chậm nền nhà. Thiết kế các bờ bao đã đảm bảo theo quy cách hướng dẫn.

Tuy nhiên, trong quá trình triển khai giai đoạn II của Chương trình cũng bộc lộ những hạn chế và tồn tại, đó là việc triển khai thực hiện nhìn chung còn chậm và chưa đồng đều ở các địa phương; công tác quy hoạch, lựa chọn địa điểm xây dựng của một số dự án chưa phù hợp; một số địa phương chưa vay vốn từ Ngân hàng Phát triển Việt Nam để thực hiện trong khi vốn ngân sách trung ương bố trí chưa kịp thời...

Từ những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện, Ban Điều phối Chương trình đã đề xuất một số kiến nghị với UBND các tỉnh, thành phố thuộc Chương trình cũng như các Bộ ngành Trung ương tập trung chỉ đạo, tháo gỡ vướng mắc trong các công tác giải phóng mặt bằng, bố trí vốn để đẩy nhanh tiến độ thực hiện Chương trình cụm tuyến dân cư giai đoạn II, hoàn thành kế hoạch năm 2011 và toàn bộ Chương trình./.

Đào Minh Tâm

Theo tin từ Ban Điều phối Chương trình XD cụm, tuyến, dân cư và nhà ở vùng ngập lũ ĐBSCL

Triển vọng phát triển của vùng thủ đô Matxcơva

Năm 2009, Quy hoạch chung phát triển Matxcơva cho giai đoạn đến năm 2025 đã được phê duyệt. Và mặc dù đã có sự thay đổi lãnh đạo của chính quyền thủ đô, tuy nhiên Quy hoạch chung không có sự thay đổi lớn mà sẽ có một số thay đổi về các ưu tiên phát triển Matxcơva.

Hiện nay, vấn nạn giao thông tại thủ đô Matxcơva đang là một trong những vấn đề bức xúc và được thảo luận nhiều. Các dãy dài ô tô bị ách tắc, các nút giao thông chưa được mở rộng, sự cần thiết cấp bách đưa hoạt động của hệ thống đường vành đai trở lại bình thường, cải tạo các đường dẫn ra khỏi thủ đô - tất cả những vấn đề đó đòi hỏi chính quyền thành phố kịp thời có các biện pháp khắc phục. Đó cũng là lý do khiến thành phố Matxcơva phải triển khai hiện đại hoá toàn bộ hạ tầng giao thông của khu vực Matxcơva. Đây cũng chính là nhiệm vụ hàng đầu mà Tổng thống LB Nga nêu ra với Thị trưởng mới được bổ nhiệm của thủ đô.

Một nguyên tắc sẽ được áp dụng đối với Quy hoạch chung mới xây dựng Matxcơva là tất cả những gì có thể được sửa đổi mà không đòi hỏi sửa đổi Quy hoạch chung hiện đang có hiệu lực, sẽ được đưa vào Điều lệ sử dụng đất và xây dựng. Những gì mà khi sửa đổi lại đòi hỏi sự sửa đổi khác thường của Quy hoạch chung, sẽ được đáp ứng trong kế hoạch triển khai thực hiện Quy hoạch chung, nơi sẽ từng bước thay đổi hướng sử dụng vốn ngân sách theo đó các khoản mục không còn tranh luận sẽ được cấp ngay kinh phí ngân sách, các khoản mục còn đang được tranh luận thì được xem xét lại. Nếu có yêu cầu xem xét lại về mặt pháp lý một cách khẩn cấp đối với một nội dung nào đó của Quy hoạch chung thì việc này có thể được xem xét theo trình tự nhanh hơn trong thời gian khoảng nửa năm.

Theo Quy hoạch chung đang có hiệu lực thì một số luật mới sẽ được thông qua, như Luật về "Điều lệ sử dụng đất và xây dựng", Luật "Về các tiêu chuẩn thiết kế xây dựng đô thị". Cả hai văn bản nêu trên đã được soạn thảo và sắp được Duma quốc gia Matxcơva xem xét.

Hiện đại hoá và cải tạo các đầu mối giao thông tại khu vực ranh giới giữa thủ đô với Vùng Matxcơva đang là vấn đề bức xúc hiện nay. Hiện nay chưa có luật cũng như chưa có một cơ quan chính quyền có thẩm quyền mà có khả

năng thực hiện việc phối hợp thoả thuận về mặt pháp lý và quyền hạn đối với các đồ án quy hoạch chung xây dựng thủ đô và Vùng Matxcơva. Trong khuôn khổ sự hợp tác giữa thủ đô và Vùng Matxcơva mới chỉ có một Ban phối hợp chỉ đạo của thủ đô và Vùng Matxcơva được thành lập và đang hoạt động để tiến hành các cuộc họp với sự tham gia của Bộ trưởng Bộ Giao thông LB Nga. Đặc biệt Ban này hoạt động chủ yếu trên cơ sở sự nỗ lực của Thị trưởng Sergey Sobyanin. Ban hoạt động chủ yếu theo chế độ quản lý "trao tay" (có nghĩa là quyết định theo hình thức nói mà không ban hành thành văn bản) như gặp gỡ, thảo luận và ra quyết định một lần, ví dụ để đi từ thành phố Matxcơva ra Vùng Matxcơva thì nên xây dựng đường ô tô hay tàu điện ngầm. Tuy nhiên, chế độ quản lý "trao tay" chỉ hợp lý khi người ra quyết định còn đang tại chức hoặc đang được giao quyền.

Ví dụ, đại diện lãnh đạo thành phố Matxcơva trong Ban phối hợp chỉ đạo đề nghị xây dựng kéo dài một số đường tàu điện ngầm của thành phố ra Vùng Matxcơva phía ngoài đường vành đai, thế nhưng các nhà xây dựng tàu điện ngầm của thủ đô lại không được phép đào đường hầm trên đất của Vùng Matxcơva. Điều đó cho thấy cần thiết tìm kiếm cơ chế pháp lý, tiến hành thu hồi đất, hợp thức hoá việc xây dựng trong đó cần thực hiện đầy đủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn cấp liên bang và cấp vùng.

Ngoài ra, việc xây dựng đường sá và các đầu mối giao thông cũng không dễ dàng. Chúng ta không thể lập ra quy hoạch xây dựng đường ô tô hoặc đường tàu điện ngầm một cách thiếu thực tế, cũng như không thể thẩm định quy hoạch theo kiểu gượng ép và phê duyệt một cách nóng vội,…

Vì vậy, "chế độ quản lý kiểu trao tay" không chặt chẽ cho lắm, nhất là đối với các quy hoạch dài hạn xây dựng 2 khu vực trung tâm của nước Nga, điều đó cho thấy cần thiết tìm kiếm phương án khác.

Phương án thứ nhất khắc phục vấn đề nêu trên là thành lập một cơ cấu cấp liên bang để thực hiện chính sách xây dựng đô thị thống nhất. Cơ cấu này cần phải vận hành trong khuôn khổ Luật Xây dựng đô thị LB Nga.

Phương án thứ hai là thông qua luật mới của Liên bang về Quy chế thủ đô Matxcơva. Luật cần phải xác định không chỉ chức năng và quyền hạn của thành phố Matxcơva như là thủ đô của LB Nga mà còn phảI xác định cả chức năng của Vùng Matxcơva.

Hoặc là hợp đồng 3 bên có giá trị như văn bản pháp quy về việc thực hiện các chức năng nêu trên phải được ký kết, trong đó một bên là Chính phủ và Thủ tướng LB Nga đại diện cho chính quyền trung ương LB Nga, một bên là chính quyền thủ đô và Vùng Matxcơva. Ngoài ra cũng có thể ký kết ở cấp cao hơn với một bên là chính quyền và Duma quốc gia của thành phố Matxcơva đại diện cho thủ đô, một bên là chính quyền và Duma quốc gia của Vùng Matxcơva đại diện cho Vùng Matxcơva và một bên nữa là Tổng thống LB Nga đại diện cho LB Nga.

Đối với bất kỳ phương án nào của việc ký kết hợp đồng 3 bên có giá trị pháp luật nêu trên thì nhất thiết trong hợp đồng cần phải nêu các quyết định mà thành phố Matxcơva đã phối hợp với Vùng ban hành, các quyết định do chỉ thành phố ban hành và mức độ bắt buộc trong việc thực hiện quyết định do cơ quan khác của Vùng ban hành mà một cơ quan của Vùng phải thực thi. Công thức này hoàn toàn hợp hiến do Hiến pháp LB Nga đã có điều khoản quy định về sự uỷ quyền lẫn nhau để thực hiện sự phối hợp quản lý đối với một đối tượng thuộc loại được quản lý phối hợp.

Qua đó, chính quyền thành phố Matxcơva có thể hoạt động trong khuôn khổ của một Ban có đầy đủ thẩm quyền gồm 3 bên. Đối với đối tượng thuộc sự quản lý của Ban thì thẩm quyền của Ban này không chỉ cao hơn tất cả các cơ quan chính quyền hành pháp của cả hai chủ thể thuộc LB Nga đó mà còn cao hơn các cơ

quan ngang Bộ của LB Nga. Chỉ Chính phủ LB Nga và các cơ quan lập pháp của thành phố Matxcơva và Vùng Matxcơva mới có khả năng tác động (trong khuôn khổ luật pháp) đến các quyết định của Ban chỉ đạo được giao thẩm quyền này. Trong trường hợp đó tất cả các quyết định mang tính chiến lược do Ban chỉ đạo ban hành đều mang tính bắt buộc thực thi đối với chính quyền thủ đô Matxcơva và Vùng Matxcơva.

Thêm vào đó trong thành phần Chính phủ LB Nga nên có thêm Bộ trưởng hoặc tốt hơn nếu là Phó Thủ tướng phụ trách Vùng thủ đô Matxcơva. Cơ cấu nêu trên sẽ tự nó đặt Chính phủ LB Nga vào vị trí đứng đầu Ban chỉ đạo gồm3 bên và loại trừ khả năng xuất hiện chức danh mang đặc tính siêu quyền lực chính trị là Tỉnh trưởng chung cho Vùng thủ đô Matxcơva.

Tuy vậy, phương án trên vẫn chưa phải là sự hợp nhất đầy đủ của hai khu vực do tại mỗi chủ thể của LB Nga vẫn còn các quyền hạn của riêng mình kể cả quyền lập pháp.

Ngày nay, biện pháp tin cậy nhất giải quyết nhiều vấn đề của nội ô và ngoại ô Matxcơva là sự hợp nhất đầy đủ về mặt pháp lý và hành chính thủ đô Matxcơva với Vùng Matxcơva để trở thành một chủ thể của LB Nga. Lúc này, tất cả các lĩnh vực sẽ đều được hợp nhất và thành lập một ban lãnh đạo duy nhất. Sự hợp nhất về mặt pháp lý của thủ đô Matxcơva và Vùng Matxcơva để trở thành một chủ thể của LB Nga cũng sẽ hợp lý xét về triển vọng phát triển dài hạn của cả khu vực này dẫu rằng việc thực hiện là rất không đơn giản.

Boris Glebov

Theo Báo Xây dựng Nga, số 4/2011

Dịch và biên tập: Huỳnh Phước

Hiện trạng và chiến lược quản lý dự án xây dựng của Trung Quốc

I. Hiện trạng công tác quản lý dự án xây dựng ở Trung Quốc

Trung Quốc thực sự tiến hành nghiên cứu hệ thống quản lý dự án xây dựng và áp dụng vào thực tiễn ngành công nghiệp xây dựng tương đối muộn. Điểm khởi đầu là khi tiến hành nghiên cứu xây dựng công trình nhà máy thuỷ điện Lỗ Bố Cách ở tỉnh Vân Nam vào năm 1984. Công trình này sử dụng nguồn vốn vay của Ngân hàng thế giới (WB), và là công trình đầu tiên ở Trung Quốc lựa chọn hình thức đấu thầu quốc tế, thực hiện quản lý dự án, giúp công trình giảm chi phí tới 40% và thu được thành công lớn. Sau đó, rất nhiều công trình có quy mô vừa và lớn ở Trung Quốc đã thực hiện theo phương pháp quản lý dự án. Phương pháp quản lý dự án gồm hệ thống quản lý chi phí, quản lý hợp đồng, pháp chế, hệ thống giám sát xây dựng, Có thể thấy, trong khoảng hơn 20 năm qua, mặc dù Trung Quốc đã giành được nhiều thành tựu trong xây dựng, nhưng những vấn đề liên quan tới chất lượng công trình, chậm tiến độ, chi phí phụ trội vẫn thường xuyên xảy ra, đặc biệt là những năm gần đây đã xuất hiện những sự cố nghiêm trọng về chất lượng xây dựng. Nguyên nhân của những sự cố này đều có liên quan tới công tác quản lý dự án, do hệ thống quản lý dự án chưa hoàn thiện, quản lý không đúng tiêu chuẩn. Điều này cho thấy, trong lĩnh vực quản lý dự án, giữa Trung Quốc và các nước phương phát triển phương Tây có sự khác biệt đáng kể. Cụ thể biểu hiện ở một số phương diện: chưa chú trọng nghiên cứu tới tính khả thi của dự án; hệ thống pháp luật và pháp quy có liên quan chưa được kiện toàn; năng lực của người quản lý dự án còn yếu kém.

II. Chiến lược quản lý dự án xây dựng của Trung Quốc

1. Cam kết thực hiện công việc theo thông lệ quốc tế

Cùng với việc Trung Quốc gia nhập WTO, công tác quản lý dự án cũng được mở rộng ra nước ngoài, tham gia vào thị trường cạnh tranh và mở rộng thị trường quốc tế, tuy nhiên phải tuân thủ thực hiện công việc theo thông lệ quốc tế, nhất là trong quản lý hợp đồng, quản lý công trình, chất lượng, an toàn và chi phí. Đối với công tác quản lý dự án, trong thị trường quốc tế có một bộ pháp quy hoàn thiện, người ta thường dùng bộ pháp quy này để yêu cầu nghiêm ngặt đối với nhà thầu trong công tác quản lý chất lượng, ngoài ra, còn sử dụng trong quá trình đầu vào, khởi công xây dựng, công trình xây dựng hoàn thành, dùng để quản lý nghiêm ngặt tư cách của kỹ sư xây dựng và các chuyên gia kỹ thuật, thông qua một loạt các quy định chi tiết về kỹ thuật, biện pháp thi công, áp dụng tiêu chuẩn, đảm bảo chất lượng, thông qua kiểm tra giám sát kỹ sư giám sát công trình, đảm bảo thực hiện kỹ thuật đúng quy định và đủ tiêu chuẩn chất lượng kỹ thuật. Khi đối mặt với sự biến động khó lường trong thị trường cạnh tranh quốc tế, cách tốt nhất là cần hiểu rõ thông lệ quốc tế, các quy định, tiêu chuẩn, như vậy mới có thể xâm nhập, phát triển ở thị trường quốc tế và nhận được sự bảo vệ của luật pháp quốc tế.

2. Cần thiết lập và kiện toàn pháp luật, pháp quy có liên quan tới công tác quản lý dự án

Hiện nay, thị trường xây dựng ở một số tỉnh, thành phố của Trung Quốc tương đối hỗn loạn, trong khi đó quy phạm quản lý dự án chưa hoàn thiện, nên xảy ra hiện tượng "không có luật pháp làm chuẩn, có luật pháp mà không tuân thủ, không chấp hành đúng luật pháp". Điều này cho thấy, Trung Quốc nhất thiết phải quán triệt thực hiện những chính sách quốc gia có liên quan, thiết lập và kiện toàn pháp luật, pháp quy, chế độ quản lý trong thị trường xây dựng. Đồng thời Chính phủ cũng phải phát huy và vận dụng các quy phạm pháp luật, các biện pháp quản lý, bồi dưỡng và phát triển thị trường xây dựng trong nước, để đảm bảo rằng các hoạt động xây dựng từ giai đoạn lập kế hoạch, khảo sát thiết kế, ký kết hợp đồng, thi công cho đến khi công trình đã hoàn thành đều được thực hiện dựa trên hệ thống pháp luật.

3. Nhất thiết phải nâng cao năng lực của nhân viên quản lý dự án.

Đối với các quốc gia phát triển, họ luôn chú trọng tới việc bồi dưỡng và giấy chứng nhận về năng lực của các nhân viên quản lý dự án chuyên nghiệp. Chứng chỉ quản lý dự án chuyên nghiệp (PMP) của Viện quản lý Dự án Mỹ là chứng chỉ được công nhận trên toàn thế giới như một chuẩn mực của nghề quản lý dự án. Người nào có được chứng chỉ PMP, thì người đó sẽ có nhiều cơ hội được Chính phủ và các công ty lớn tuyển chọn và trọng dụng. Ở Trung Quốc, do việc nghiên cứu hệ thống quản lý dự án và áp dụng thực tiễn vào ngành công nghiệp xây dựng diễn ra muộn, nên công tác đào tạo và bồi dưỡng nhân viên quản lý dự án cũng bị lạc hậu hơn. Để nâng cao năng lực cho đội ngũ làm công tác quản lý dự án trong nước, theo một số chuyên gia cho rằng, cần thường xuyên tổ chức các buổi trao đổi, thảo luận về chủ đề quản lý dự án trong và ngoài nước, tăng cường công tác xã hội và xuất bản các tạp chí chuyên ngành. Trong các trường đại học và cao đẳng cần tổ chức đào tạo thạc sỹ, tiến sỹ và các lớp học chuyên ngành, có tiêu chuẩn đào tạo quản lý dự án và chứng nhận về năng lực.

4. Nhất thiết phải quản lý một cách tinh tế

Theo lý thuyết hệ thống, đối với các yếu tố khác nhau nhưng cùng tham gia thực hiện toàn bộ quá trình dự án, yêu cầu không được có kẽ hở trong quản lý, như vậy mới hình thành nên một chuỗi quản lý, nghiêm túc tuân thủ thực hiện theo đúng quy trình, quy định kỹ thuật và trình tự thi công xây dựng, khắc phục các chi tiết chất lượng chưa hoàn chỉnh, tạo ra một công trình xây dựng chất lượng cao. Do đó, trong công tác quản lý dự án xây dựng nhất thiết phải xây dựng mục tiêu quản lý về chất lượng, an toàn và tiến độ.

5. Đổi mới quan niệm phát triển

Quan niệm có sự ảnh hưởng và có tính quyết định tới năng lực và tinh thần của con người. Trong cùng một điều kiện khách quan, do quan niệm của từng người khác nhau, nên tính chủ động phát huy và hoạt động thương mại cũng khác nhau. Cùng với sự phát triển của kinh tế thị trường, những doanh nghiệp thi công xây dựng đang phải đối mặt với sự cạnh tranh ngày càng quyết liệt, nhưng những doanh nghiệp này có thể đứng vững và phát triển trên thị trường hay không, tất cả đều phụ thuộc vào quan niệm đổi mới của họ. Quan niệm tiên tiến, thông thoáng sẽ giúp doanh nghiệp đưa ra những phương thức thực hiện hiện đại, nhưng quan niệm phải đi đôi với hành động, tư duy sẽ quyết định tới con đường phát triển của doanh nghiệp. Nếu nhân viên quản lý dự án và giám đốc dự án coi công việc quản lý dự án của mình như là một môn khoa học quản lý mà không phải là công việc hành chính tạm thời, khi đó họ sẽ chủ động tham gia đổi mới công tác quản lý dự án. Để mở rộng phạm vi, cần thiết lập khái niệm về thị trường. Dựa vào yêu cầu quy luật khách quan và tiêu chuẩn quốc tế trong xây dựng dự án, thiết lập, kiện toàn tính chuyên nghiệp, khoa học, thị trường trong hệ thống dịch vụ quản lý dự án và tổng thầu xây dựng công trình. Dựa vào yêu cầu của cơ chế thị trường để vận hành dự án, dùng các phương tiện trong thị trường để quản lý kinh doanh dự án xây dựng. Cho dù là phân bổ nguồn lực trong dự án hay lựa chọn quản lý dự án hoặc trong cơ chế vận hành quản lý dự án, tất cả đều phải dựa vào hoạt động của thị trường. Thông qua các hình thức hợp tác và liên kết giữa các lĩnh vực và các ngành nghề, thực hiện bổ sung nguồn lực giữa các doanh nghiệp, chia sẻ rủi ro, từ việc phải đương đầu cạnh tranh đổi thành hợp tác để cùng cạnh tranh, đây là một chiến lược khá phổ biến mà các quốc gia có nền kinh tế phát triển luôn thực hiện.

6. Nhất thiết phải thực hiện chiến lược kinh doanh tiên tiến

Dựa vào đặc điểm thời đại của nền kinh tế tri thức, có một số học giả cho rằng cần tích cực mở rộng mạng lưới kinh doanh, đồng thời thực hiện quản lý thông tin trong quản lý dự án và thực hiện chiến lược kinh doanh tiên tiến, cụ thể gồm: kinh doanh ảo, hợp tác và cạnh tranh, chiến lược toàn cầu và văn hoá cạnh tranh. Kinh doanh ảo là xu hướng quản lý kinh doanh trong thời đại của nền kinh tế tri thức, các doanh nghiệp xây dựng trong ngành kinh doanh ảo nhất thiết phải kiểm soát được nguồn năng lực và tài nguyên có liên quan, mục đích là vận dụng thế mạnh của mình để đề cao lực cạnh tranh của doanh nghiệp; Mục đích của việc hợp tác và cạnh tranh là đối mặt với môi trường thay đổi nhanh chóng và thị trường cạnh tranh quyết liệt, giành được nhiều lợi ích và đạt kết quả cao hơn; trong văn hoá cạnh tranh nhất thiết phải xác định được sự khác biệt về văn hoá, duy trì ưu điểm văn hoá của dân tộc mình, đồng thời phải nhận thức được thế mạnh của các nền văn hoá khác, nâng cao năng lực phù hợp và lực cạnh tranh quốc tế.

III. Kết luận

Để quản lý dự án công trình làm trung tâm, nâng cao chất lượng vận hành dự án, đây là những chủ đề muôn thuở luôn tồn tại và phát triển trong các doanh nghiệp xây dựng. Trước mắt, về phương diện quản lý dự án công trình, giữa Trung Quốc và các nước phương Tây vẫn còn có khoảng cách lớn. Cùng với ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng tài chính gần đây, Trung Quốc đã kịp thời tiến hành điều chỉnh chính sách kinh tế vĩ mô, kích cầu trong nước, tăng cường đầu tư cơ sở hạ tầng, không ngừng nâng cao trình độ quản lý dự án trong nước và tăng cường lực cạnh tranh cho các doanh nghiệp xây dựng trong nước.

Nguồn: http://jzqyw.com

ND: Bích Ngọc

LỄ KỶ NIỆM 50 NĂM THÀNH LẬP CÔNG TY CP SỨ VIGLACERA THANH TRÌ

Hà Nội, ngày 22 tháng 3 năm 2011

Thứ trưởng Bộ Xây dựng Nguyễn Trần Nam phát biểu tại buổi Lễ

Toàn cảnh buổi Lễ